PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2013/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục bổ sung, sửa đổi thức ăn thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 02 năm 2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sửa đổi, bổ sung thức ăn thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung, sửa đổi thức ăn thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

1. Danh mục bổ sung thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 1);

2. Danh mục bổ sung sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 2);

3. Danh mục sửa đổi tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, tên sản phẩm tại các Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 3).

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

Phụ lục 1

DANH MỤC BỔ SUNG THỨC ĂN THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. THỨC ĂN HỖN HỢP HOÀN CHỈNH

1. Sản phẩm sản xuất trong nước

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
Công ty cổ phần EWOS Việt Nam Địa chỉ: Cụm công nghiệp Lonh Định, Long Cang, Ấp 4, Xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Điện thoại: 072.3725545 Fax: 072.3725424				
1	Thức ăn hỗn hợp cho cá tra, cá basa EWOS 1230 Giai đoạn: 5-20g/con	TCCS số: 04:2011/ EWOS LA	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	12
2	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi EWOS 2140 Giai đoạn: <5g/con	TCCS số: 05:2011/ EWOS LA	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	34
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
3	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi EWOS 2235 Giai đoạn: 5-10g/con	TCCS số: 06:2011/ EWOS LA	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	35
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	29,75
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
4	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS SAPPHIRE 230. Giai đoạn: 10-20g/con	34:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
5	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 230. Giai đoạn: 10 - 20g/con	35:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
6	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 230. Giai đoạn: 10-20g/con	36:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
7	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS SAPPHIRE 228. Giai đoạn: 20-200g/con	37:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	23,8
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
8	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 228. Giai đoạn: 20-200g/con	38:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	23,8
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
9	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 228. Giai đoạn: 20-200g/con	39:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	23,8
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
10	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 232. Giai đoạn 10-20g/con	33:012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	32
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	27,2
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
11	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 232. Giai đoạn: 10-20g/con	32:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	32
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	27,2
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
12	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS SAPPHIRE 232. Giai đoạn 10-20g/con	31:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	32
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	27,2
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
13	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 234. Giai đoạn: 10-20g/con	30:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	34
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	28,9
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
14	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 234. Giai đoạn: 10-20g/con	29:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	34
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	28,9
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
15	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS SAPPHIRE 234. Giai đoạn: 10-20g/con	28:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	34
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	28,9
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
16	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá tra, cá basa EWOS SAPPHIRE 126. Giai đoạn: 20-200g/con	25:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	26
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	22,1
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	10
17	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá tra, cá basa EWOS RUBY 126. Giai đoạn: 20-200g/con	26:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	26
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	22,1
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	10
18	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá tra, cá basa EWOS DIAMOND 126. Giai đoạn: 20-200g/con	27:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	26
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	22,1
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	10
Công ty TNHH TONGWEI Việt Nam Địa chỉ: Khu CN Tân Hương - Châu Thành - Tiền Giang. Điện thoại: (07)33.927.828 Fax: (07)33.927.888				
19	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng H-BEST Mã số: No.8960 Giai đoạn: 20-200 g/con	8960-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	44
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	36
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
20	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng H-BEST Mã số: No.8961 Giai đoạn 200 - 500 g/con	8961-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	41
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	33
			Hàm lượng lipid thô (min)	4
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
21	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng H-BEST Mã số: No1.8961A Giai đoạn: > 500g/con	8961A-TCCS/TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	33
			Hàm lượng lipid thô (min)	4
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
22	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng TONGWEI Mã số: 8961A Giai đoạn: > 500 g/con	8961A-TCCS/TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	33
			Hàm lượng lipid thô (min)	4
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương ĐT: 0650 3740414 Fax: 0650 3740615				
23	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cá giống nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi) Giai đoạn: < 0,5 g/con Mã số: NANOLIS.P0	TCCS 01:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
24	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cá giống nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi) Giai đoạn: 0,5-1 g/con Mã số: NANOLIS.P1S	TCCS 02:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
25	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cá giống nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi) Giai đoạn: 1-2 g/con Mã số: NANOLIS.P1	TCCS 03:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
26	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cá giống nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi) Giai đoạn: 2-8 g/con Mã số: NANOLIS.P2	TCCS 04:2012/ GUYO -OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
27	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cá giống nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi) Giai đoạn: 8-20 g/con	TCCS 04:2012/ GUYO -OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	37,0
			Protein tiêu hóa (min)	35,0
			Xơ thô (max)	3,5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
	Mã số: NANOLIS.P3		Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	2,2
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,1
28	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho tôm sú Giai đoạn: PL17-PL25 Mã số: ECO.1	TCCS 01:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) max	100
29	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho tôm sú Giai đoạn: 0,5-2 g/con Mã số: ECO.2	TCCS 02:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) max	100
30	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 2 - 4 g/con Mã số: ECO.3S	TCCS 03:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) max	100
31	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 4 - 10 g/con Mã số: ECO.3P	TCCS 04:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) max	100
32	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 10-15 g/con Mã số: ECO.4	TCCS 05:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	38,0
			Protein tiêu hóa (min)	35,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,2
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
			Ethoxyquin (ppm) max	100
33	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 15 - 20 g/con Mã số: ECO.5	TCCS 06:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	38,0
			Protein tiêu hóa (min)	35,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,2
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
			Ethoxyquin (ppm) max	100
34	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho tôm thẻ giai đoạn: PL17 - PL25 Mã số: VANALIS.1	TCCS 07:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số, min-max	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) max	100
35	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho tôm thẻ Giai đoạn: 0,5-2 g/con Mã số: VANALIS.2	TCCS 08:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) (max)	100
36	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 2 - 4 g/con Mã số: VANALIS.3S	TCCS 09:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) (max)	100

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
37	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ giai đoạn từ 4 - 10 g/con Mã số: VANALIS.3P	TCCS 10:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	37,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,3
			Ethoxyquin (ppm) (max)	100
38	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ Giai đoạn: 10-15 g/con Mã số: VANALIS.4	TCCS 11:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	38,0
			Protein tiêu hóa (min)	35,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,2
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
			Ethoxyquin (ppm) (max)	100
39	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ Giai đoạn: 15-20 g/con Mã số: VANALIS.5	TCCS 12:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	38,0
			Protein tiêu hóa (min)	35,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,2
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
			Ethoxyquin (ppm) max	100

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
40	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 10-15 g/con Mã số: OC MAXI.0	TCCS 20:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	46,0
			Protein tiêu hóa (min)	43,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,7
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,5
			Ethoxyquin (ppm) max	100
41	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Giai đoạn: 15-20 g/con Mã số: OC MAXI.1	TCCS 21:2012/ GUYO-OCS	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	46,0
			Protein tiêu hóa (min)	43,0
			Xơ thô (max)	2,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,5-2,0
			Lysine tổng số (min)	2,7
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,5
			Ethoxyquin (ppm) max	100
42	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: 5-20 g/con Mã số: PANGA.1	TCCS 06:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	30,0
			Protein tiêu hóa (min)	27,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,6
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
43	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: 20-200g/con Mã số: PANGA.2	TCCS 07:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	28,0
			Protein tiêu hóa (min)	25,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,5
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,9
44	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: 200-400g/con Mã số: PANGA.3	TCCS 08:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	28,0
			Protein tiêu hóa (min)	25,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,5
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,9
45	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: 400-600 g/con Mã số: PANGA.4S	TCCS 09:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,8
46	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa)	TCCS 10:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	7,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
	Giai đoạn: 600-800 g/con Mã số: PANGA.4M		Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,8
47	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: > 800 g/con Mã số: PANGA.4L	TCCS 11:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,8
48	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: 600-800 g/con Mã số: PANGA.5	TCCS 12:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	22,0
			Protein tiêu hóa (min)	20,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,1
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,7
49	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá da trơn (cá tra, cá basa) Giai đoạn: >800 g/con Mã số: PANGA.6	TCCS 13:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	22,0
			Protein tiêu hóa (min)	20,0
			Xơ thô (max)	7,0
			Ca (min-max)	1,0-2,0
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,1
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,7

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
50	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 5-50 g/con Mã số: TILAPHI.1	TCCS 14:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	35,0
			Protein tiêu hóa (min)	33,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	2,3
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,1
51	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 50-200 g/con Mã số: TILAPHI.2	TCCS 15:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	30,0
			Protein tiêu hóa (min)	27,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,7
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,9
52	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 200-350 g/con Mã số: TILAPHI.3	TCCS 16:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	30,0
			Protein tiêu hóa (min)	27,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,7
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,9
53	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng)	TCCS 17:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	28,0
			Protein tiêu hóa (min)	25,0
			Xơ thô (max)	6,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
	Giai đoạn: 200-350 g/con Mã số: TILAPHI.4S		Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,5
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,8
54	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 350-500 g/con Mã số: TILAPHI.4M	TCCS 18:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	28,0
			Protein tiêu hóa (min)	25,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,5
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,8
55	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 500-650 g/con Mã số: TILAPHI.4L	TCCS 19:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	28,0
			Protein tiêu hóa (min)	25,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,5
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,8
56	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 200-350 g/con Mã số: TILAPHI.5S	TCCS 20:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,7

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
57	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 350-500 g/con Mã số: TILAPHI.5M	TCCS 21:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,7
58	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 500-650 g/con Mã số: TILAPHI.5L	TCCS 22:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,7
59	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: > 650 g/con Mã số: TILAPHI.5X	TCCS 23:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	26,0
			Protein tiêu hóa (min)	23,0
			Xơ thô (max)	6,0
			Ca (min-max)	1,5-2,5
			P tổng số (min-max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	0,7
60	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng)	TCCS 28:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	12,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
	Giai đoạn: 10-100 g/con Mã số: TOPLIS.1		Ca (min-max)	0,5-1,5
			P tổng số (min-max)	0,7-1,4
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
61	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: 100-200 g/con Mã số: TOPLIS.2	TCCS 29:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	12,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	0,5-1,5
			P tổng số (min-max)	0,7-1,4
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
62	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) giai đoạn từ 200-400 g/con Mã số: TOPLIS.3	TCCS 30:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	12,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	0,5-1,5
			P tổng số (min-max)	0,7-1,4
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2
63	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá có vảy (cá rô phi, cá điêu hồng) Giai đoạn: > 400 g/con Mã số: TOPLIS.4	TCCS 31:2012/ GUYO-OCF	Độ ẩm (max)	12,0
			Protein thô (min)	40,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	3,5
			Ca (min-max)	0,5-1,5
			P tổng số (min-max)	0,7-1,4
			Lysine tổng số (min)	2,4
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,2

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
64	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cá chẽm giống Giai đoạn: < 0,5 g/con Mã số: Nanolis.C0	TCCS 01:2011/ NANOLIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	58
			Protein tiêu hóa (min)	55
			Béo tổng số (min)	12
			Xơ thô (max)	1
65	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm giống Giai đoạn: 0,5 - 2 g/con Mã số: Nanolis.C1S	TCCS 02:2011/ NANOLIS-GUYO	Độ ẩm (max)	13
			Protein thô (min)	58
			Protein tiêu hóa (min)	55
			Béo tổng số (min)	12
			Xơ thô (max)	1
66	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm giống Giai đoạn: 2 - 8 g/con Mã số: Nanolis.C1	TCCS 03:2011/ NANOLIS-GUYO	Độ ẩm (max)	14
			Protein thô (min)	58
			Protein tiêu hóa (min)	55
			Béo tổng số (min)	12
			Xơ thô (max)	1
67	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm giống Giai đoạn: > 8 g/con Mã số: Nanolis.C2	TCCS 04:2011/ NANOLIS-GUYO	Độ ẩm (max)	15
			Protein thô (min)	58
			Protein tiêu hóa (min)	55
			Béo tổng số (min)	12
			Xơ thô (max)	1
68	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm Giai đoạn: 5 - 10 g/con Mã số: NUTRILIS.P1	TCCS 01:2011/ NUTRILIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	44
			Protein tiêu hóa (min)	42
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	3

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
69	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm Giai đoạn: 10 - 50 g/con Mã số: NUTRILIS.P2	TCCS 02:2011/ NUTRILIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	44
			Protein tiêu hóa (min)	42
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	3
70	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm Giai đoạn: 50 - 150 g/con Mã số: NUTRILIS.P3	TCCS 03:2011/ NUTRILIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	41
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	3
71	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm Giai đoạn: 150 - 400 g/con Mã số: NUTRILIS.P4	TCCS 04:2011/ NUTRILIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	41
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	3
72	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm Giai đoạn: 400 - 1000 g/con Mã số: NUTRILIS.P5	TCCS 05:2011/ NUTRILIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	41
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	3
73	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá chẽm Mã số: NUTRILIS.P6 Giai đoạn: 1000 - 1500 g/con	TCCS 06:2011/ NUTRILIS-GUYO	Độ ẩm (max)	12
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	41
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	3

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
Công ty Cổ phần Thương mại Á Âu ĐC: Lô IV 1, 2, 5 Khu A1, KCN Sa Đéc, P. An Hòa, TX. Sa Đéc, Đồng Tháp ĐT: 067. 3764678; Fax: 067.376.4679				
74	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá lóc Giai đoạn: < 50 g/con Mã số: SF 300	TSDT0068T/08	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	44,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Lysine tổng số (min)	1,7
75	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá lóc Giai đoạn: <300 g/con Mã số: SF 400	TSDT0069T/08	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	41,0
			Protein tiêu hóa (min)	36,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Lysine tổng số (min)	1,7
Công ty TNHH TONGWEI Việt Nam Địa chỉ: Khu CN Tân Hương - Châu Thành - Tiền Giang Điện thoại: 0733604828 Fax: 0733927888				
76	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 680, Giai đoạn từ 0,1-0,15g	680-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	15
77	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 681 Giai đoạn: 0,15-0,25g	681-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	15

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
78	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 682 Giai đoạn: 0,25-1g	682-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	15
79	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 683S Giai đoạn: 1,0-2,0g	683S-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	15
80	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 683 Giai đoạn: 2,0-3,0g	683-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	15
81	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 684 Giai đoạn: 3,0-7,0g	684-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	43
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	38
			Hàm lượng lipid thô (min)	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
82	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 685 Giai đoạn: 7,0-15,0g	685-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	43
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	38
			Hàm lượng lipid thô (min)	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
83	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 689S Giai đoạn: 5,0-13,0g	689S-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	46
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	41
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
84	Thức ăn cho tôm sú BQ-AQUA 689 Giai đoạn: 13-25g	689-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	46
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	41
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
85	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 600 Giai đoạn: 0,02-0,04g	600-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
86	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 601 Giai đoạn: 0,04-1,3g	601-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	16
87	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 602 Giai đoạn: 1,3-3,0g	602-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	38
			Hàm lượng lipid thô (min)	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
88	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 603S Giai đoạn: 3,0-5,0g	603S-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	38
			Hàm lượng lipid thô (min)	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
89	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 603 Giai đoạn: 5,0-7,0g	603-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	38
			Hàm lượng lipid thô (min)	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
90	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 604 Giai đoạn: 7,0-10,0g	604-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	36
			Hàm lượng lipid thô (min)	4-6
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
91	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng BQ-AQUA 605 Giai đoạn: >10,0g	605-TCCS/ TWVN	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	36
			Hàm lượng lipid thô (min)	4-6
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	16
Công ty TNHH Long Hiệp Địa chỉ: lô B1 KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa Điện thoại: 058.3743348 Fax: 058.3743348				
92	Thức ăn hỗn hợp cho ấu trùng tôm sú MIXED FEED FOR P. MONODON Mã số: Uni 09 Giai đoạn: 0,01-0,02 g/con	TCCS số: 09:2010/ LH-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng Protein thô (min)	52
			Hàm lượng Protein tiêu hóa (min)	50
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
93	Thức ăn hỗn hợp cho ấu trùng tôm sú UNI-JAPOS Mã số: Uni 04 Giai đoạn: 0,01-0,02 g/con	TCCS số: 04:2010/ LH-KH	Độ ẩm (max)	8
			Hàm lượng Protein thô (min)	50
			Hàm lượng Protein tiêu hóa (min)	48
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
94	Thức ăn hỗn hợp dùng cho ấu trùng tôm sú LONGASTAX Giai đoạn: 0,01-0,02 g/con	TCCS số: 03:2012/ LH-KH	Độ ẩm (max)	8
			Hàm lượng Protein thô (min)	50
			Hàm lượng Protein tiêu hóa (min)	48
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
95	Thức ăn hỗn hợp dùng cho ấu trùng tôm sú UNI-ZOEMY Giai đoạn: 0,01 - 0,02 g/con	TCCS số: 06:2012/ LH-KH	Độ ẩm (max)	8
			Hàm lượng Protein thô (min)	52
			Hàm lượng Protein tiêu hóa (min)	50
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
Chi nhánh Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang - Xí Nghiệp Thức ăn chăn nuôi - thủy sản Địa chỉ: Quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, Vàm Cống, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang Điện thoại: 0763 - 831540 - 831302 - 831997 - 832160 Fax: 0763 - 831230				
96	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng AA 240 Giai đoạn: 1-5 g/con	TCCS 27:2011/ AFILEX.AG	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	35
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
97	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng AA 235 Giai đoạn: 5 - 10 g/con	TCCS 28:2011/ AFILEX.AG	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	35
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	30
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
98	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng AA 230 Giai đoạn: 10-20 g/con	TCCS 29:2011/ AFILEX.AG	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
99	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng AA 227 Giai đoạn: 20 - 200 g/con	TCCS 30:2011/ AFILEX.AG	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	27
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	22
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
100	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng AA 225 Giai đoạn: 200 - 500 g/con	TCCS 31:2011/ AFILEX.AG	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	25
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	20
			Hàm lượng lipid thô (min)	4
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	16
101	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá rô phi, diêu hồng AA 220 Giai đoạn: > 500 g/con	TCCS 32:2011/ AFILEX.AG	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	20
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	15
			Hàm lượng lipid thô (min)	4
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
Công ty TNHH TM DV SX Hải Thần Địa chỉ: 32 Tỉnh lộ 9, Tổ Hương Long, Phường Ba Ngòi, Tp Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: 0583 861114				
102	JAPO Thức ăn nuôi ấu trùng tôm sú	14/2012/HT	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	48
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	45
			Hàm lượng lipid thô (min)	6 - 8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
103	SHRIMP SPIRULINA Thức ăn nuôi ấu trùng tôm sú	16/2012/HT	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	52
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6 - 8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
104	W Thức ăn nuôi ấu trùng tôm sú	13/2012/HT	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	50
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	48
			Hàm lượng lipid thô (min)	6 - 8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
105	G8 Thức ăn nuôi ấu trùng tôm chân trắng	27/2012/HT	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	45
			Hàm lượng lipid thô (min)	6 - 8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
106	SHRIMP LAKE Thức ăn nuôi ấu trùng tôm chân trắng	15/2012/HT	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	50
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6 - 8
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
Công ty CP thức ăn chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh Địa chỉ: Lô CN 3 - 5, KCN Trần Quốc Toản - QL 30, phường 11, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: 067 3890900; Fax: 067 3890899				
107	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, cá basa HV 9004. Giai đoạn: từ 20g - 200g	TCCS 04:2012/ TSHV	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	26
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	10
108	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, cá basa HV 9005. Giai đoạn: 20g - 200 g	TCCS 05:2012/ TSHV	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	26
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	24
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	10
Công ty Cổ phần sản xuất thức ăn thủy sản TOMBOY Địa chỉ: Lô 22A, đường số 1, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08 37507511 Fax: 08 37507517				
109	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi cá lóc hiệu STELLA S Mã số: STELLA S 2 Giai đoạn: 5-20 g/con	TCCS 07:2012/TB	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
110	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi cá lóc hiệu STELLA S Mã số: STELLA S 3 Giai đoạn: 20-100 g/con	TCCS 07:2012/TB	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Béo tổng số (min)	7
			Xơ thô (max)	5
111	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi cá lóc hiệu STELLA S Mã số: STELLA S 5 Giai đoạn: 100-300 g/con	TCCS 07:2012/TB	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	40
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Béo tổng số (min)	9
			Xơ thô (max)	5
112	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi cá lóc hiệu STELLA S Mã số: STELLA S 7 Giai đoạn: 300-500 g/con	TCCS 07:2012/TB	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	40
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Béo tổng số (min)	9
			Xơ thô (max)	5
113	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi cá lóc hiệu STELLA S Mã số: STELLA S 10 Giai đoạn: > 500 g/con	TCCS 07:2012/TB	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	40
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Béo tổng số (min)	9
			Xơ thô (min)	5
Công ty TNHH Grobest Industrial (Việt Nam) ĐC: Số 9, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 0613.993511-19; Fax: 0613.993520				
114	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú GROBEST GREEN MONODON Mã số: No.4 Giai đoạn: 5-13 g/con	TCCS 23:2012/GR	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	40,0
			Xơ thô (max)	4,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
115	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú GROBEST GREEN MONODON Mã số: No.5 Giai đoạn: 13-25 g/con	TCCS 23:2012/GR	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	40,0
			Xơ thô (max)	4,0
116	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng hiệu GROBEST GREEN VANNAMEI Mã số: No.3 Giai đoạn: 2,6-5,0 g/con	TCCS 24:2012/GR	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	40,0
			Xơ thô (max)	3,0
117	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng hiệu GROBEST GREEN VANNAMEI Mã số: No.4 Giai đoạn: 5-13 g/con	TCCS 24:2012/GR	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	40,0
			Xơ thô (max)	3,0
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam ĐC: KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0613621502-09; Fax: 0613921512-513				
118	Thức ăn nuôi cá rô phi dùng cho giai đoạn 20-200 g/con Mã số: C.P. 9950-P	CPTS-0053F/10	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	30,0
			Protein tiêu hóa (min)	24,0
			Xơ thô (max)	6,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Ngọc Long ĐC: Số 79, tổ 5, Khu phố Bình Thuận II, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương ĐT: 0650. 3717692; Fax: 0650. 3717760				
119	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tầm hiệu HI-PRO Mã số: T52 Giai đoạn: 10-300 g/con	TCCS T52:2012/ NL-BD	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	52,0
			Protein tiêu hóa (min)	48,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Tro thô (max)	16,0
120	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tầm hiệu HI-PRO Mã số: T48 Giai đoạn: 300-1000 g/con	TCCS T48:2012/ NL-BD	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	48,0
			Protein tiêu hóa (min)	44,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Tro thô (max)	16,0
Công ty TNHH thủy hải sản Hưng Lợi Phát Địa chỉ: 62L/41 Nguyên Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM Điện thoại: 08.22108368				
121	Artemia cyst hiệu AquaNuca	05/HLP-2012	Độ ẩm (max)	15
			Protein thô (max)	50
			Béo thô (min)	2,5
			Tỷ lệ nở (min)	70
Công ty TNHH Cargill Việt Nam ĐC: Lô 29, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Đồng Nai ĐT: 061 3836522 Fax: 061 3835099				
122	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá lóc Mã số: 7572 Giai đoạn: < 200 g/con	TCCS 7572:2011/ CAR	Độ ẩm (max)	11,0
			Hàm lượng protein thô, (min)	45,0
			Hàm lượng protein tiêu hóa (min)	38,5
			Lipid thô (min)	7,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
123	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá lóc Mã số: 7573 Giai đoạn: 200-400 g/con	TCCS 7573:2011/ CAR	Độ ẩm (max)	11,0
			Hàm lượng protein thô, (min)	43,0
			Hàm lượng protein tiêu hóa (min)	36,5
			Lipid thô (min)	6,0
124	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá lóc Mã số: 7574 Giai đoạn: 200 g/con - thu hoạch	TCCS 7574:2011/ CAR	Độ ẩm (max)	11,0
			Hàm lượng protein thô, (min)	40,0
			Hàm lượng protein tiêu hóa (min)	34,0
			Lipid thô (min)	5,0
Công ty TNHH Uni-President Việt Nam ĐC: 16-18 ĐT 743, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương ĐT: 06503790811-6 Fax: 06503790810				
125	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi tôm sú tăng trọng nhãn hiệu AQUA-100 Mã số: A523 Giai đoạn: 5-7 g/con	TCCS 53:2012/ UPVN	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	42
			Protein tiêu hóa (min)	40
			ME (Kcal/kg) min	3100
			Béo thô (min)	5-7
			Tro (max)	15
			Xơ thô (max)	4
			Ca (max)	2,3
			P tổng số (min-max)	1,0-2,0
			Lysine (min)	2,1
			Methioine + cystine (min)	1,0
Công ty TNHH Khoa kỹ sinh vật Thăng Long ĐC: Lô A-5, KCN Đức Hòa 1, Hạnh Phúc, ấp 5 Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ĐT: 0723 761 358 Fax: 0723 761 359				
126	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú	TCCS-TL 14:2012/01	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
	Nhãn hiệu: BI-TECH Mã số: GI334 Giai đoạn: 3-7g/con		Xơ thô (max)	4,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,5
127	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: BI-TECH Mã số: GI335 Giai đoạn: 7-13g/con	TCCS-TL 14:2012/02	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	36,0
			Xơ thô (max)	4,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,5
128	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: BI-TECH Mã số: GI336 Giai đoạn: 13-25g/con	TCCS-TL 14:2012/03	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	34,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,4
129	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: BI-TECH Mã số: GI337 Giai đoạn: ≥25g/con	TCCS-TL 14:2012/04	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	34,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,4
130	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: ROYAL DRAGON Mã số: GD994 Giai đoạn: 3-7g/con	TCCS-TL 13:2012/01	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	38,0
			Xơ thô (max)	4,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
131	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: ROYAL DRAGON Mã số: GD995 Giai đoạn: 7-13g/con	TCCS-TL 13:2012/02	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	36,0
			Xơ thô (max)	4,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,5
132	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: ROYAL DRAGON Mã số: GD996 Giai đoạn: 13-25g/con	TCCS-TL 13:2012/03	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	34,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,4
133	Thức ăn hỗn hợp dạng viên tăng trọng cho tôm sú Nhãn hiệu: ROYAL DRAGON Mã số: GD997 Giai đoạn: ≥25g/con	TCCS-TL 13:2012/04	Độ ẩm (max)	11,0
			Protein thô (min)	45,0
			Protein tiêu hóa (min)	34,0
			Xơ thô (max)	5,0
			Canxi (min-max)	1,0-2,5
			Methionine (min)	0,4
Công ty Cổ phần thủy sản Cá Việt Địa chỉ: 60 G2, tổ 8, khu vực 2, An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ Điện thoại: 0710.3897688 Fax: 0710.3897689				
134	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: PL 10 - 15 Mã số: GM 01	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	10
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Lipid thô (min - max)	6 - 8
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,9
			Methionine (min)	0,8

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
135	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: 1,2 - 2,5 cm/con Mã số: GM 02	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Lipid thô (min - max)	5 - 7
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,8
			Methionine (min)	0,8
136	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: 2,5 - 3,5 cm/con Mã số: GM 03	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Lipid thô (min - max)	5 -7
			Xơ thô (max)	4
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,8
			Methionine (min)	0,8
137	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: 1 - 3 g/con Mã số: GM 04	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Lipid thô (min - max)	5 -7
			Xơ thô (max)	4
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,7
			Methionine (min)	0,7
138	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: 3 - 7 g/con Mã số: GM 05	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Lipid thô (min - max)	4 -6
			Xơ thô (max)	4
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,6
			Methionine (min)	0,7

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
139	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: 7 - 12 g/con Mã số: GM 06	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Lipid thô (min - max)	4 -6
			Xơ thô (max)	4
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,6
			Methionine (min)	0,7
140	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho tôm thẻ chân trắng GROMAX Giai đoạn: > 12 g/con Mã số: GM 07	01/12/CAVIET	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Lipid thô (min - max)	4 - 6
			Xơ thô (max)	4
			Ca (min - max)	1,9-2,3
			Ca/P (min - max)	1,0-1,5
			Lysine tổng số (min)	1,5
			Methionine (min)	0,7
Công ty TNHH Grobest Industrial Việt Nam Đc: Số 9 Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 061. 3993511-20 Fax: 061. 3892209 -13				
141	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMINH Mã số: No.1 Giai đoạn: 0,02-0,3 g/con	TCCS 03:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	2,10
			Methionine +Cystine (min)	0,90
142	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMINH	TCCS 03:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	42
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	2,10

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
	Mã số: No.2 Giai đoạn: 0,3-1,2 g/con		Methionine + Cystine (min)	0,90
143	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMINH Mã số: No.2L Giai đoạn: 1,2-2,6 g/con	TCCS 03:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	42
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,80
			Methionine + Cystine (min)	0,80
144	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMINH Mã số: No.3 Giai đoạn: 2,6-5,0 g/con	TCCS 03:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	42
			Protein tiêu hóa (min)	37
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,80
			Methionine + Cystine (min)	0,80
145	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMINH Mã số: No.4 Giai đoạn: 5,0-13 g/con	TCCS 03:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	40
			Protein tiêu hóa (min)	35
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
146	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMINH Mã số: No.5 Giai đoạn: 13-25 g/con	TCCS 03:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	39
			Protein tiêu hóa (min)	34
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
147	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMAX Mã số: No.1 Giai đoạn: 0,07-0,3g/con	TCCS 02:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	44
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	2,10
			Methionine + Cystine (min)	0,90
148	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMAX Mã số: No.2 Giai đoạn: 0,3-1,2g/con	TCCS 02:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	44
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	2,10
			Methionine + Cystine (min)	0,90
149	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMAX Mã số: No.2L Giai đoạn: 1,2-2,6g/con	TCCS 02:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	44
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,80
			Methionine + Cystine (min)	0,80
150	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMAX Mã số: No.3 Giai đoạn: 2,6-5,0g/con	TCCS 02:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	42
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,80
			Methionine + Cystine (min)	0,80

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
151	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMAX Mã số: No.4 Giai đoạn: 5,0-13g/con	TCCS 02:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	40
			Protein tiêu hóa (min)	36
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine(min)	0,70
152	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: GROMAX Mã số: No.5 Giai đoạn: 13-25g/con	TCCS 02:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	39
			Protein tiêu hóa (min)	35
			Xơ thô (max)	5
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
153	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: SUPER GROWN Mã số: No.3 Giai đoạn: 2,6-5,0g/con	TCCS 01:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	45
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	2,00
			Methionine + Cystine (min)	0,70
154	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: SUPER GROWN Mã số: No.4 Giai đoạn: 2,6-5,0g/con	TCCS 01:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	45
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	2,00
			Methionine + Cystine (min)	0,70

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
155	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú Nhãn hiệu: SUPER GROWN Mã số: No.5 Giai đoạn: 2,6-5,0g/con	TCCS 01:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	45
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	2,00
			Methionine + Cystine (min)	0,70
156	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.1S	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,90
157	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.1	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,90
158	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.2	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,80
159	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.2M	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,80

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
160	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.2ML	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	36
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,80
161	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.2L	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	36
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
162	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.3	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	34
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
163	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI 68 Mã số: No.4	TCCS 04:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	34
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
164	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.1S	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,90
165	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.1	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	40
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,90

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
166	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.2	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Xơ thô (max)	3
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,80
167	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.2M	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	38
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,80
168	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.2ML	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	36
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,80
169	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.2L	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	36
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
170	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.3	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	36
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
171	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm thẻ chân trắng Nhãn hiệu: VANNAMEI VISTA Mã số: No.4	TCCS 05:2013/GRM	Độ ẩm (max)	11
			Protein tiêu hóa (min)	34
			Xơ thô (max)	4
			Lysine tổng số (min)	1,70
			Methionine + Cystine (min)	0,70
Công ty TNHH HARVEST ĐC: KCN Nhơn Trạch 3, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 061 356 0028; Fax: 061 356 0547				
172	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SBS0 Giai đoạn: 1-3 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) (min)	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
173	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SBS1 Giai đoạn: 3-10 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) min	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
174	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SBS2 Giai đoạn: 10-15 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) (min)	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
175	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.1 Giai đoạn: 16-20 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) (min)	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
176	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.2 Giai đoạn: 21-50 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) (min)	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
177	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.3 Giai đoạn: 51-80 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) min	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
178	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.4 Giai đoạn: 81-150 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) min	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
179	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.5 Giai đoạn: 151-300 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) min	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
180	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.6 Giai đoạn: 301-450 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) (min)	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
181	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.7 Giai đoạn: 451-600 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) min	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14
182	Thức ăn dạng viên cho cá chẽm Sea Bass Feed Mã số: SB No.8 Giai đoạn: > 600 g/con	TCCS 01:2012/HIC	Độ ẩm (max)	11
			Protein thô (min)	43
			Protein tiêu hóa (min)	38,6
			ME (Kcal/kg) (min)	3000
			Xơ thô (max)	3
			Ca (min - max)	2,5-3,2
			P tổng số (min - max)	1-1,6
			Lysine tổng số (min)	2,97
			Methionine + Cystine tổng số (min)	1,14

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ và sản xuất Thụy Duy Thục Địa chỉ: Số 15 Lê Hồng Phong, Phường Mỹ Hương, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: 08.54357595 Fax: 08.54357596				
183	Artemia cyst hiệu Crane	TCCS 96:2012/TDT	Độ ẩm (max)	5
			Protein thô (min)	60
			Xơ thô (max)	6,0
			Béo thô (min)	7,5
			Tro (max)	6,0
			Tỷ lệ nở (min)	81
184	Artemia cyst hiệu Pigeon	TCCS 95:2012/TDT	Độ ẩm (max)	5
			Protein thô (min)	55
			Xơ thô (max)	7,5
			Béo thô (min)	7,5
			Tro (max)	6,0
			Tỷ lệ nở (min)	80
Công ty TNHH Long Sinh Địa chỉ văn phòng: 37 Hoàng Văn Thụ - Nha Trang - Khánh Hòa Địa chỉ sản xuất: lô B5 - KCN Suối Dầu - Cam Lâm - Khánh Hòa Điện thoại: 058743555; Fax: 058743557				
185	P.japonicus Long Sinh "new" Mã số: #0 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn Z_1 - Z_3 và M_1 - M_3	TCCS số: 03/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
186	P.japonicus Long Sinh "new" Mã số: #1 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn P_1 - P_{10}	TCCS số: 03/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5
187	P.japonicus Long Sinh "new" Mã số: #2 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn P_{11} - P_{15}	TCCS số: 03/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5
188	P.monodon Long Sinh "new" Mã số: #0 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn Z_1 - Z_3 và M_1 - M_3	TCCS số: 05/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5
189	P.monodon Long Sinh "new" Mã số: #1 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn P_1 - P_{10}	TCCS số: 05/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
190	P.monodon Long Sinh "new" Mã số: #2 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn P_{11} - P_{15}	TCCS số: 05/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5
191	Jetgro "new" Mã số: #0 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn Z_1 - Z_3 và M_1 - M_3	TCCS số: 04/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	8
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5
192	Jetgro "new" Mã số: #1 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn P_1 - P_{10}	TCCS số: 04/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	8
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5
193	Jetgro "new" Mã số: #2 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn P_{11} - P_{15}	TCCS số: 04/2010/ CBTC/ LS-KH	Độ ẩm (max)	8
			Hàm lượng protein thô (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	5

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
194	Le Plus Mã số: #0 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn Z_1 - M_2	TCCS số: 11:2011/ LS-KH	Độ ẩm (max)	9
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	45
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8,5
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	15
195	Le Plus Mã số: #1 Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống chân trắng giai đoạn M_1 - PL_4	TCCS số: 11:2011/ LS-KH	Độ ẩm (max)	9
			Hàm lượng protein thô (min)	45
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	45
			Hàm lượng lipid thô (trong khoảng)	6-8,5
			Hàm lượng xơ thô (max)	2
			Hàm lượng tro (max)	15
Công ty TNHH Dachan (Vn) Địa chỉ: khu phố 2 - đường Nguyễn Hữu Thọ - TT Bến Lức - huyện Bến Lức - tỉnh Long An Điện thoại: 0723.726699 Fax: 0723.726698				
196	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi - điêu hồng Nu-Aqua - A460. Giai đoạn: 5 - 20gr/con	A460-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	46
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	40
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
197	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi - điêu hồng Nu-Aqua - A440. Giai đoạn: 20 - 200gr/con	A440-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	44
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	39
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
198	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi - điêu hồng Nu-King - K400. Giai đoạn: >500gr/con	K400-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	35
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
199	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi - điêu hồng Nu-King - K420. Giai đoạn: 20 - 200gr/con	K420-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	42
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	37
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
200	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi - điêu hồng Nu-King - K440. Giai đoạn: 5-20gr/con	K440-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	44
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	39
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
201	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng Nu-Green - G3810. Giai đoạn: PL15 - 3gr/con	G3810-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	38
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	36
			Hàm lượng lipid thô	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	15

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
202	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng Nu-Green - G3820. Giai đoạn: 3 - 12gr/con	G3820-GW/12	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein (min)	38
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	36
			Hàm lượng lipid thô	4-6
			Hàm lượng xơ thô (max)	4
			Hàm lượng tro (max)	15
203	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng Promax - M4310. Giai đoạn: PL15 - 3gr/con	M4310-GW/12	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein (min)	43
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	38
			Hàm lượng lipid thô	5-7
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14
204	Thức ăn cho tôm thẻ chân trắng Promax - M4320. Giai đoạn: 3 - 12gr/con	M4320-GW/12	Độ ẩm (max)	10
			Hàm lượng protein (min)	43
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa được (min)	38
			Hàm lượng lipid thô	4-6
			Hàm lượng xơ thô (max)	3
			Hàm lượng tro (max)	14

2. Sản phẩm nhập khẩu

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Nhà sản xuất
Công ty TNHH Phương Tây Địa chỉ: 22 Lâm Văn Bền, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 08.3827 7983 Fax: 08.3827 3476				
1	Artemia Cysts Omega Brand	Tỷ lệ nở (min)	80%	Weifang Anjing Aquaculture Dev. Co., Ltd

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Nhà sản xuất
2	Artemia Cysts Park West Brand	Tỷ lệ nở (min)	80%	Weifang Anjing Aquaculture Dev. Co., Ltd
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Thịnh Địa chỉ: Lầu 2 số 333A, Phường Thanh Sơn, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: 0983.402480/08.3811738 Fax: 08.3811738				
3	QT-FLAKE (BROWN)	Đạm (min)	45%	Dunamis Vetcare Co., Ltd
		Xơ (max)	3%	
		Béo (min)	8%	
		Độ ẩm (max)	10%	
4	QT-FLAKE (RED)	Đạm (min)	45%	Dunamis Vetcare Co., Ltd
		Xơ (max)	3%	
		Béo (min)	8%	
		Độ ẩm (max)	10%	
Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ và sản xuất Thụy Duy Thục Địa chỉ: số 15 Lê Hồng Phong, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: 08.54357595 Fax: 0854357596				
5	Artemia CYST Nhãn hiệu RED SEA	Độ ẩm	9%	Weifang Anjing Aquaculture Deve.Co.,Ltd (Trung Quốc)
		Đạm thô	55%	
		Béo thô	5,5%	
		Tro	7,5%	
		Xơ	6%	
		Tỷ lệ nở	80%	
6	CMC	Protein (min)	51%	88 Feedmill Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	6%	
		Xơ (max)	3%	
		Độ ẩm (max)	10%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Nhà sản xuất
7	Omega flakes	Protein (min)	45%	U.Lek Tranding Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	6%	
		Xơ (max)	3%	
		Độ ẩm (max)	8%	
8	Winner flakes	Protein (min)	45%	U.Lek Tranding Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	6%	
		Xơ (max)	3%	
		Độ ẩm (max)	8%	
9	Spirulina	Protein (min)	60%	U.Lek Tranding Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	6%	
		Xơ (max)	5%	
		Độ ẩm (max)	8%	
10	Artemia Cyst nhãn hiệu Red Fox	Tỷ lệ nở	75%	Charoen Pokphand Foods Public Co., Ltd (Thái Lan)
11	Golden Larva 1	Protein (min)	50%	Inter Aqua Products Co., Ltd (Thailand)
		Béo (min)	8%	
		Xơ (max)	3%	
		Độ ẩm (max)	10%	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khai Nhật Địa chỉ: B186 - Khu phố 3 - Phường Đông Hưng Thuận - Quận 12 - Tp Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 54365657 Fax: 08 54365658				
12	Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống Shrimp Feed -Century ZM Giai đoạn: Nauplii - Mysis 3	Đạm thô (min)	52,0%	Ocean Star International, Inc (USA)
		Độ ẩm (max)	8,0%	
		Chất xơ thô (max)	7,0%	
		Chất béo thô (min)	16,0%	
		Tro (max)	6,5%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Nhà sản xuất
13	Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống Shimp Feed - Petrel PL-1 Giai đoạn: Zoea-Post 5	Đạm thô (min)	50,0%	Ocean Star International, Inc (USA)
		Độ ẩm (max)	8,0%	
		Chất xơ thô (max)	6,0%	
		Chất béo thô (min)	16,0%	
		Tro (max)	6,5%	
14	Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống Shimp Feed - Petrel Pl-2 Giai đoạn: Post 1-10	Đạm thô (min)	40,0%	Ocean Star International, Inc (USA)
		Độ ẩm (max)	8,0%	
		Chất xơ thô (max)	6,0%	
		Chất béo thô (min)	14,0%	
		Tro (max)	6,5%	
15	Thức ăn hỗn hợp cho tôm giống Brine Shimp Flakes - Petrel Brand Giai đoạn: Zoea - Post larval	Đạm thô (min)	40,0%	Ocean Star International, Inc (USA)
		Độ ẩm (max)	9,0%	
		Chất xơ thô (max)	2,0%	
		Chất béo thô (min)	9,0%	
		Tro (max)	11,0%	
Công ty Cổ phần công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh Địa chỉ: Lô 23 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08. 37542464; Fax: 08. 37542466				
16	Thức ăn hỗn hợp nuôi ấu trùng tôm sú BRINE SHRIMP FLAKE - RED Giai đoạn: M1-PL12	Độ ẩm (max)	10,0%	Zeigler Bros., Inc, USA
		Xơ (max)	3,0%	
		Tro (max)	10,0%	
		Protein (min)	50,0%	
		Protein tiêu hóa (min)	42,5%	
		Ethoxyquin (max)	0,015%	
17	Thức ăn hỗn hợp nuôi ấu trùng tôm thẻ SHRIMP STARTER 55-15 Kích cỡ viên: < 600 microns Giai đoạn: PL 5 - PL 8	Độ ẩm (max)	10,0%	Zeigler Bros., Inc, USA
		Xơ (max)	2,0%	
		Tro (max)	10,0%	
		Protein (min)	55,0%	
		Protein tiêu hóa (min)	46,7%	
		Ethoxyquin (max)	0,015%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Nhà sản xuất
18	Thức ăn hỗn hợp nuôi ấu trùng tôm thẻ SHRIMP STARTER 55-15 Kích cỡ viên: 600-850 microns Giai đoạn: PL 9 - PL 12	Độ ẩm (max)	10,0%	Zeigler Bros., Inc, USA
		Xơ (max)	2,0%	
		Tro (max)	10,0%	
		Protein (min)	55,0%	
		Protein tiêu hóa (min)	46,7%	
		Ethoxyquin (max)	0,015%	
Hợp tác xã Artemia Vĩnh Châu Bạc Liêu Địa chỉ: Ấp Biển Tây A, Xã Vĩnh Trạch Đông, Thành phố Bạc Liêu Điện thoại: 07813.837798 Fax: 07813.837798				
19	Brine Shrimp Eggs	Số lượng trứng trung bình/gram	280.000	Green Science Corporation
		Tỉ lệ nở trung bình/gram	85%	
		Hiệu xuất nở (min-max)	240.000 - 250.000 nauplii/g	
		Độ ẩm	5-6%	
Công ty TNHH giống thủy sản Uni - President Việt Nam Địa chỉ: thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: 0683.668169 Fax: 0683.668167				
20	GB Aqua Pacific Enriched Adult Artemia Biomass Thức ăn cho tôm giống giai đoạn Post Larva	Protein (min)	20%	Rosster Enterprises LLC, USA
		Lipids (min)	17%	
		Ash (max)	26%	
		Carbohydrate (max)	40%	
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Ngọc Trai Địa chỉ: 197 Đường 2/4, Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Khánh Hòa. Điện thoại: 0583.831209 Fax : 0583. 831791				
21	Thức ăn cho tôm giống ARTEMIA SHELL FREE	Protein (min)	40%	INVE (Thailand) Ltd
		Lipid (min)	8%	
		Chất xơ (max)	7%	
		Độ ẩm (max)	10%	
		Tro (max)	15%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Nhà sản xuất
Công ty TNHH MTV TM-DV Thái Việt Hà Địa chỉ: 83/56/5 Đường Liên khu 4-5, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 0949.806124				
22	Prograde A 716	Protein (min)	38%	Lee Feed Mill Public Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	5%	
		Xơ (max)	3%	
		Độ ẩm (max)	11%	
23	Pro-Grade A 726	Protein (min)	38%	Lee Feed Mill Public Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	5%	
		Xơ (max)	4%	
		Độ ẩm (max)	11%	
24	Prograde A 736	Protein (min)	38%	Lee Feed Mill Public Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	5%	
		Xơ (max)	4%	
		Độ ẩm (max)	11%	
25	Prograde A 737	Protein (min)	36%	Lee Feed Mill Public Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	4%	
		Xơ (max)	4%	
		Độ ẩm (max)	11%	
26	Prograde A 746	Protein (min)	36%	Lee Feed Mill Public Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	4%	
		Xơ (max)	4%	
		Độ ẩm (max)	11%	
27	Prograde A 747	Protein (min)	35%	Lee Feed Mill Public Co.,Ltd (Thailand)
		Béo (min)	4%	
		Xơ (max)	4%	
		Độ ẩm (max)	11%	

II. THỨC ĂN BỔ SUNG

1. Sản phẩm sản xuất trong nước

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
Công ty TNHH Phú Đăng Quân Địa chỉ: 18/181 A Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 38435072				
1	X-MAX	*Bacillus subtilis* (min)	$2,0x10^7$cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm, cá hấp thụ tốt thức ăn, ổn định đường ruột, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$1,8x10^7$cfu/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
2	SHRIMP BIG	*Bacillus subtilis* (min)	$2,0x10^7$cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm, cá hấp thụ tốt thức ăn, ổn định đường ruột, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$1,8x10^7$cfu/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
3	LIVSIN 79	*Bacillus subtilis* (min)	$2,0x10^7$cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm, cá hấp thụ tốt thức ăn, ổn định đường ruột, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Saccharomyces ceresiviae (min)	$1,8x10^7$cfu/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
4	F113	Calcium (min)	1500mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn giúp tôm cứng vỏ, đạm và acid amin giúp tôm cá khỏe mạnh, mau lớn, phát triển tốt
		Protein (min)	10%	
		Lysine (min)	2.000mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
5	BEST LIVER VITA	Sorbitol (min)	26.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin D_3 (min)	150UI	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
6	LACTOVITA	Sorbitol (min)	3.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin D_3 (min)	150UI	
		Đường (glucose) vừa đủ	1kg	
7	VITA AMIN 45	Sorbitol (min)	50.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin A (min)	400mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
8	SUGRO	Calcium (min)	5.000mg	Bổ sung khoáng chất và vitamin vào thức ăn giúp tôm cứng vỏ, phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin A (min)	300mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
9	D MAX	Calcium (min)	5.000mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn giúp tôm cứng vỏ, phát triển tốt
		Vitamin A (min)	200UI	
		Lysine (min)	2.000mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH AQUA BIO Địa chỉ: 126/35 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 0854289 289 Fax: 08 54289289				
10	VIT C	Vitamin C (min)	50.000mg	Bổ sung vitamin và acid amine vào thức ăn giúp tôm, cá khỏe mạnh phát triển tốt
		Lysine (min)	1.000mg	
		Phụ tá (dextrose) vừa đủ	1kg	
11	BEST PRO	*Bacillus subtilis* (min)	10^7cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm, cá hấp tốt thức ăn, ổn định tiêu hóa đường ruột, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Saccharomyces ceresiviae (min)	10^7cfu/kg	
		Phụ tá (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
12	CAPHOS	Canxium (min)	5.000mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Phosphorus (min)	3.000mg	
		Nước vừa đủ	1lít	
13	DETOX	Sorbitol (min)	5.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin và acid amin vào thức ăn giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_2 (min)	500mg	
		Lysine (min)	1.000mg	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
14	BETACAN	Betaglucan 1,3 - 1,6 (min)	10%	Bổ sung betaglucan, vitamin và cacid amin vào thức ăn giúp tôm, cá khỏe mạnh phát triển tốt
		Vitamin B_2 (min)	500mg	
		Lysine (min)	1.000mg	
		Đường (glucose) vừa đủ	1kg	
15	BIG MIN	Vitamin A (min)	400mg	Bổ sung vitamin và acid amin vào thức ăn giúp tôm, cá khỏe mạnh phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	300mg	
		Vitamin B_2 (min)	500mg	
		Lysine (min)	1.000mg	
		Nước vừa đủ	1lít	
16	SUP GROW	Protein (min)	40g	Bổ sung protein vào thức ăn giúp tăng cường dinh dưỡng cho tôm, cá giúp tôm, cá phát triển tốt, mau lớn
		Dung môi nước cất vừa đủ	1lít	
Công ty TNHH TM Hải An Nam Địa chỉ: 46/3 Đường Gò Cát, Tổ 4, Khu phố 4, P. Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 37317945				
17	BACILUS ZYME	*Bacillus subtilis* (min)	$1x10^5$cfu/kg	Bổ sung hệ vi sinh vật có lợi và enzym tiêu hóa vào thức ăn cho tôm, giúp tiêu hóa nhanh và kìm hãm vi sinh vật có hại cho đường ruột của tôm
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$2x10^7$cfu/kg	
		Lactobacillus acidophilus (min)	$2x10^8$cfu/kg	
		Betaglucan (min)	5.000UI	
		Amylase (min)	40.000UI	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
18	HUFA MAX	Methionin (min)	3.800mg	Hufa max là sản phẩm có hàm lượng cao, vitamin và các acid amin cần thiết giúp tôm tăng trưởng nhanh. Có mùi thơm, kích thích tôm bắt mồi
		Protein (min)	250.000mg	
		Lysine (min)	10.000UI	
		Vitamin A (min)	1.000UI	
		Vitamin D_3 (min)	500UI	
		Vitamin E (min)	8UI	
		Vitamin C (min)	6.000mg	
		Zinc sulfate (min)	500mg	
		Magnesium (min)	2.500mg	
		Copper sulfate (min)	150mg	
		Cobal sulfate (min)	120mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
19	SUPER MIX	Phosphorus (min)	120.000mg	Cung cấp khoáng vi lượng và calcum cho tôm giúp cho quá trình tạo vỏ mới của tôm, giúp tôm phát triển tốt
		Magnesium (min)	140.000mg	
		Calcium (min)	300.000mg	
		Sodium (min)	850mg	
		Iron (min)	300mg	
		Manganese (min)	40mg	
		Zince diacid (min)	170mg	
		Copper (min)	60mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
20	C STRESS	Vitamin C (min)	300.000mg	Bổ sung vitamin C giúp tăng cường sức đề kháng, khỏe mạnh, phát triển tốt
		Acid citric (min)	15.000mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
21	HEPATIC ONE	Sorbitol (min)	20.000mg	Bổ sung acid amin cho tôm, giúp tôm khỏe mạnh, phát triển tốt
		Methionin (min)	15.000mg	
		Choline chloride (min)	5.000mg	
		Lysine HCL (min)	10.000mg	
		Betain (min)	6.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
22	COVER FINE	Protein (min)	30%	Bao bọc viên thức ăn: Bổ sung thêm protein vào thức ăn Có mùi thơm kích thích tôm ăn mồi
		Phospholipid (min)	10%	
		Cholesterol (min)	0,2%	
		Dung môi (nước) vừa đủ	100%	
23	CALPHOS D	Phosphorus (min)	100.000mg	Bổ sung khoáng vi lượng, vitamin và calcium cho tôm, giúp cho quá trình tạo vỏ mới. Giúp tôm khỏe mạnh, phát triển tốt
		Magnesium (min)	10.000mg	
		Calcium (min)	300.000mg	
		Sodium (min)	500mg	
		Iron (min)	1.000mg	
		Manganese (min)	500mg	
		Zince diacid (min)	3.000mg	
		Copper (min)	200mg	
		Vitamin D (min)	150.000UI	
		Chất đệm (glucose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH SX TM DV quốc tế Việt Mỹ Địa chỉ: 30 Làng Tăng Phú, Phường Tăng Nhơn Phú A, Q. 9, TP. HCM Điện thoại: (08)35055079 Fax: (08)35055079 Địa chỉ sản xuất: số 14, tổ 26, ấp 4, đường Bàu Lách, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi				
24	BUTAMIN	Lysine (min)	2.000mg	Cung cấp lysine, vitamin thiết yếu vào thức ăn giúp tôm, cá phát triển tốt, mau lớn
		Vitamin A (min)	500mg	
		Vitamin B_1 (min)	1.000mg	
		Vitamin B_2 (min)	800mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1kg	
25	PROZYME	*Bacillus subtilis* (min)	$2,1x10^7$cfu/kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi vào đường ruột cho tôm, cá. Giúp ổn định đường ruột, tiêu hóa tốt thức ăn
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$2x10^7$cfu/kg	
		Chất đệm (lactose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
26	VITAMIN C 35	Vitamin C (min)	8.500mg	Cung cấp vitamin C thiết yếu vào thức ăn giúp tôm, cá tăng cường sức đề kháng, phát triển tốt, mau lớn
		Glucose vừa đủ	1kg	
27	COMFOR	Lysine (min)	2.000mg	Cung cấp lysine, vitamin thiết yếu vào thức ăn giúp tôm, cá phát triển tốt, mau lớn
		Vitamin A (min)	500mg	
		Vitamin B_1 (min)	1.000mg	
		Vitamin B_2 (min)	800mg	
		Glucose vừa đủ	1kg	
28	SUPER PRO	Protein thô (min)	25%	Cung cấp protein cho tôm, cá giúp tôm, cá khỏe mạnh, phát triển tốt
		Protein tiêu hóa (min)	20%	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
29	VM CALCIPHOS	Calcium (min)	30mg	Cung cấp Ca, P cho quá trình phát triển của tôm, cá. Giúp tôm, cá mau lớn
		Phosphorus (min)	50mg	
		Chất đệm (nước) vừa đủ	1lít	
30	HEPATIC	Lysine (min)	2.000mg	Cung cấp sorbitol, vitamin và acid amin cho tôm, cá. Giúp tôm cá luôn khỏe mạnh, phát triển tốt.
		Sorbitol (min)	420mg	
		Vitamin B_2 (min)	350mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
Công Ty TNHH sản xuất & thương mại Đất Nam Phát Địa chỉ: C25 - Lê Đức Thọ - F.17.Q.Gò Vấp - TPHCM Điện thoại: (08) 66.753.267 Fax: (08) 66.753.268 Địa chỉ sản xuất: 324 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08.35069119 Fax: 08.37656084				
31	BEST ONE	*Bacillus subtilis* (min)	$2x10^9$cfu/kg	Cung cấp vi sinh vật và các enzym hữu ích giúp tôm, cá tiêu hóa tốt thức ăn
		Lactobacillus acidophilus (min)	$2x10^9$cfu/kg	
		Lactobacillus sprogenes (min)	$2x10^9$cfu/kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		Lipaza (min)	1.100UI/kg	
		Amylaza (min)	450UI/kg	
		Proteaza (min)	1.000UI/kg	
		Chất đệm (lactose) vừa đủ	1kg	
32	BIO PLUS USA	*Bacillus subtilis* (min)	$1,0x10^{10}$cfu/kg	Bio Plus USA cung cấp vi sinh hữu ích giúp tôm, cá tiêu hóa thức ăn
		Lactobacillus plantarum	$1,0x10^{10}$ cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiase (min)	$1,0x10^{10}$ cfu/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
33	C - HAI	Vitamin C (Ascorbic acid) (min)	200g	Cung cấp Vitamin C cho các loài thủy sản
		Chất đệm (đường dextrose) vừa đủ	1kg	
34	OGANIC USA	Vitamin C (min)	17mg	Cung cấp vitamin cho các loài thủy sản, giúp phát triển trong điều kiện bình thường. Cung cấp các vitamin tổng hợp cho tôm, cá. Giúp tôm, cá phát triển tốt
		Vitamin A (min)	1.150IU	
		Vitamin B_2 (min)	35mg	
		Niacin (min)	120mg	
		Pantothenic (min)	40mg	
		Nước cất vừa đủ	1lit	
35	OMEGA USA	Calcium dihydrogen phosphate ($Ca(H_2PO_4)_2$) (min)	130mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn cho tôm, cá, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Magnesium dihydrogen phosphate ($Mg(H_2PO_4)_2.2H_2O$) (min)	90mg	
		Sodium dihydrogen phosphate (NaH_2PO_4) (min)	110mg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		Manganese dihydrogen phosphate ($Mn(H_2PO_4)_2.2H_2O$) (min)	80mg	
		Chất đệm (đường lactose) vừa đủ	1kg	
36	SUPER CALCIUM	Calcium pantothenate (min)	230mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn cho tôm, cá. Giúp tôm, cá phát triển tốt
		Nước cất vừa đủ	1lít	
Công ty TNHH phát triển khoa học quốc tế Trường Sinh Địa chỉ: tổ 9, phường Yên Thế, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai Điện thoại: 059865295; Fax: 059865295				
37	BET - TO - GAN	Betaglucan 1,3 - 1,6 (min)	10%	Bổ sung betaglucan vào thức ăn tôm, cá tăng cường hệ miễn dịch
		Protein (min)	15%	
		Chất mang (nước tinh khiết) vừa đủ	1lít	Bổ sung dinh dưỡng vào khẩu phần thức ăn tự chế và công nghiệp trong nuôi trồng thủy sản
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Mỹ Phú Địa chỉ: 67 QL61, ấp 1, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang Điện thoại: 0711 3953 303				
38	MP - YUBITAL	Vitamin B_1 (min)	500mg/lít	Bổ sung các vi chất dinh dưỡng giúp cá, tôm mau lớn, tăng tính thèm ăn Cải thiện năng suất cho cá, tôm
		Vitamin B_2 (min)	389mg/lít	
		Vitamin B_6 (min)	434mg/lít	
		Sorbitol (min)	250.000 mg/lít	
		Chất mang (nước cất) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
39	MP - ABUMIN	Vitamin A (min)	200.000UI/lít	Bổ sung các acid amin và vitamin cần thiết cho tôm, cá. Giúp tôm, cá mau lớn, tăng năng suất
		Vitamin D_2 (min)	10.000UI/lít	
		Vitamin E (min)	50UI/lít	
		Lysine (min)	5.000mg/lít	
		Methionine (min)	3.000mg/lít	
		Sorbitol (min)	100.000mg/lít	
		Beta glucan (min)	20.000mg/lít	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
40	TCP - MILK	Vitamin A (min)	5.000 UI	Bổ sung các vi chất dinh dưỡng giúp cá, tôm và cứng vỏ tôm Cải thiện năng suất cho cá, tôm
		Vitamin D_3 (min)	1.000 UI	
		Canxi (min-max)	2.000 - 5.000mg	
		Phosphor (min-max)	3.000 - 10.000mg	
		Chất mang (nước cất) vừa đủ	1lít	
Công ty cổ phần Thành Nhơn Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh Điện thoại: 083 848 3181; Fax: 083 848 3956 Địa chỉ sản xuất: Công ty cổ phần Sài Gòn V.E.T - cụm công nghiệp tập đoàn ANOVA, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An				
41	BETAIN ®	Betaine HCl	98%	Bổ sung dinh dưỡng. Dẫn dụ trong thức ăn cho tôm, cá, kích thích kiếm bắt mồi thức ăn Giúp quá trình chuyển hóa của thức ăn đạt hiệu quả cao
Công ty TNHH SX TM DV Tâm Sáng Địa chỉ: 500/8 Đoàn Văn Bơ, P.14, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh. Điện thoại: 08.36019126 Fax: 08.39671272 Địa chỉ sản xuất: 20/17 ấp 2 Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, Tp Hồ Chí Minh				
42	REM	Beta glucan 1,3 - 1,6 (min)	25%	Giúp tôm cá tăng trưởng nhanh, tăng sức đề kháng
		Vitamin B_6 (min)	0,4%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		Vitamin C (min)	50%	Sản phẩm giúp giảm tiêu tốn thức ăn
		Tá dược (tinh bột) vừa đủ	1kg	
Công ty Cổ phần NAVICO Địa chỉ: Khu 4, Cụm công nghiệp Long Định, Long Cang, H. Cần Đước, T. Long An. Tell/Fax: 072643822 Địa chỉ sản xuất: 143 ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An				
43	D-LINK	Sorbitol (min)	2.500mg	Giúp tôm nuôi tăng cường sức đề kháng, giảm stress Giải độc gan, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin C (min)	5.000mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
44	D-MAX	Glycine (min)	2.000mg	Cung cấp Vitamin và axit amin cần thiết giúp tôm phát triển tốt. Tăng khả năng hấp thụ thức ăn giúp tôm tăng trưởng nhanh Kích thích tôm bắt mồi, hạn chế hao hụt thức ăn
		Vitamin B_1 (min)	4.000mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
45	HI-LIVER	Sorbitol (min)	3.100mg	Cung cấp acid amin cần thiết cho sự phát triển của tôm Bổ gan, giúp tôm phát triển nhanh
		Methionine (min)	2.000mg	
		Chất đệm (tinh bột) vừa đủ	1 kg	
46	VITA 200	Vitamin B_2 (min)	3.500mg	Bổ sung Vitamin và acid amin cần thiết cho sự phát triển của tôm Kích thích tôm bắt mồi, hạn chế hao hụt thức ăn
		Glycine (min)	2.400mg	
		Chất đệm (lactose) vừa đủ	1kg	
47	Z 10	Vitamin B_1 (min)	5.500mg	Cung cấp Vitamin và Acid amin cần thiết cho sự phát triển của tôm Tăng khả năng hấp thụ thức ăn giúp tôm phát triển nhanh
		Lysine (min)	3.000mg	
		Chất đệm (lactose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
Công ty TNHH Thần Vương Địa chỉ: Số 2, đường 3B, khu dân cư An Lạc, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, Tp HCM ĐT: 08 62539497/8 54070585; Fax: 08 62539497/8 54070585				
48	ALPHAGUARD	Sorbitol (min)	500.000mg	Cung cấp vitamin và acid amin cần thiết giúp tôm tăng trưởng nhanh Tăng cường chức năng gan, giúp gan tôm khỏe
		Vitamin E (min)	3.000UI	
		Biotin (min)	50mg	
		Methionine (min)	150mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
49	BETAGLUCAN GRO	Betaglucan 1-3,1-6 (min)	45%	Kích thích hệ miễn dịch Giúp tôm tăng sức đề kháng bệnh, chống stress, phát triển nhanh
		Vitamin C (min)	3%	
		Chất đệm (Dextrose) vừa đủ	1kg	
50	CALPHOS GRO	Phosphorus total Expressed as P_2O_5 (min)	4,5g	Cung cấp các khoáng chất giúp tôm nhanh cứng vỏ, ngăn ngừa hiện tượng mền vỏ
		Cacium di-hydrophosphate (min)	200g	
		Magnesium di-hydro phosphate (min)	200g	
		Chất đệm (tinh bột) vừa đủ	1kg	
51	MAX LIVER	Sorbitol (min)	500.000mg	Cung cấp vitamin và acid amin cần thiết giúp tôm tăng trưởng nhanh Tăng cường chức năng giải độc gan, giúp gan tôm khỏe
		Vitamin E (min)	10.000UI	
		Biotin (min)	50mg	
		Betain (min)	10.000mg	
		Phospholips (min)	140mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
Công ty TNHH SX - TM Nam Hoàng Long Điện thoại: Số 11A, đường 182, KP 3, Tăng Nhơn Phú A, Q. 9, TP.HCM ĐT: 08 - 37308470 Fax: 08 - 37309192				
52	LITO - NAKAWIN	Vitamin A (min)	800IU	Giảm stress, tăng sức đề kháng, phòng ngừa thiếu vitamin và chất khoáng, kích thích và tăng cường tiêu hóa, mau lột vỏ, mau cứng vỏ, giảm tiêu tốn thức ăn cho tôm cá
		Vitamin D_3 (min)	100mg	
		Vitamin E (min)	200IU	
		Vitamin K_3 (min)	100mg	
		Vitamin B_1 (min)	100mg	
		Vitamin B_6 (min)	50mg	
		Vitamin C (min)	100mg	
		Biotin (min)	50mg	
		Sorbitol (min)	100mg	
		Cu (min)	10mg	
		Fe (min)	25mg	
		Zn (min)	50mg	
		Mg (min)	100mg	
		K (min)	25mg	
		DCP (min)	2000mg	
		Protease (min)	200IU	
		Amylase (min)	100IU	
		Cellulase (min)	100IU	
		Chất mang (dextrose Monohydrate) cho đủ	1kg	
53	PLUS - NAKAWIN	*Bacillus subtilis* (min)	$2x10^8$cfu/g	Cung cấp các men vi sinh, enzyme tiêu hoá, làm tăng khả năng tiêu hóa cho tôm cá, giúp tôm cá tiêu hóa tốt các chất bổ dưỡng có trong thức ăn, giảm tiêu tốn thức ăn
		Lactobacillus acidophilus (min)	$2x10^8$cfu/g	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$2x10^8$cfu/g	
		Protease (min)	300IU/g	
		Amylase (min)	400IU/g	
		Cellulase (min)	200IU/g	
		Chất mang (dextrose Monohydrate) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
54	GRO - NAKAWIN	Lysin (min)	10g	Cung cấp các acid amin thiết yếu cho tôm và cá Giảm stress, tăng sức đề kháng, phòng ngừa thiếu vitamin và chất khoáng, kích thích và tăng cường tiêu hóa, mau cứng vỏ, giảm tiêu tốn thức ăn cho tôm cá
		Methionine (min)	30g	
		Vitamin A (min)	1.200IU	
		Vitamin D_3 (min)	12mg	
		Vitamin E (min)	300IU	
		Vitamin K_3 (min)	2mg	
		Vitamin B_1 (min)	6mg	
		Vitamin B_6 (min)	9mg	
		Vitamin C (min)	12mg	
		Biotin (min)	1,5mg	
		Sorbitol (min)	2mg	
		Cu (min)	4mg	
		Fe (min)	0,5mg	
		Zn (min)	14mg	
		Mg (min)	2mg	
		K (min)	3,5mg	
		DCP (min)	1mg	
		Protease (min)	65IU	
		Amylase (min)	50IU	
		Cellulase (min)	50IU	
		Chất mang (dextrose Monohydrate) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH TM DV Và SX Nam Phát Địa chỉ: 54/4 đường Phước Ngươn A, Phước Hậu, Long Hồ, Vĩnh Long Điện thoại: 0703.850885 Fax: 0703.833697				
55	SUPER - VITAMIN C 10%	Vitamin C (min)	10%	Bổ sung vitamin C cho cá. Tăng sức đề kháng và giảm stress khi điều kiện môi trường thay đổi
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
56	SUPER - MILKLAC	Protein thô (min)	30,2%	Cung cấp các chất dinh dưỡng, các vitamin và các axit amin cần thiết cho tôm cá, đặc biệt là cá bột, cá hương và cá giống Kích thích tăng trưởng, giúp cá mau lớn
		Chất béo (min)	3,0%	
		Lysine (min)	0,24%	
		Methionine (min)	0,54%	
		Trytophane (min)	1.431mg	
		Canxi (min)	0,52%	
		Phospho (dicalcium phosphate) (min)	0,46%	
		Vitamin A (min)	516.124UI	
		Vitamin D_3 (min)	1.014.410 UI	
		Vitamin E (min)	5.428mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
57	NPV-SORBIVIT + B^{12}	Lysine (min)	0,27%	Cung cấp các vitamin và các axit amin và Sorbitol cần thiết cho cá Giúp cá ăn nhiều, tăng trọng nhanh. Giúp tăng cường chức năng gan
		Methionine (min)	0,45%	
		Sorbitol (min)	35,7%	
		Vitamin B_{12} (min)	567mcg/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
58	NPV-PROZYME 900 PLUS	Protease (min)	3.014 UI/kg	Cung cấp các enzyme hữu ích cho đường ruột, giúp cá dễ tiêu hóa thức ăn, nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn. Giúp tăng trọng nhanh
		Amylase (min)	2.738 IU/kg	
		Cellulase (min)	2.560 IU/kg	
		Pectinase (min)	2.610 IU/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
59	NPV - BIOTECT Plus	Protease (min)	2.540 UI/kg	Cung cấp các enzyme hữu ích cho đường ruột, giúp tôm, cá dễ tiêu hóa thức ăn, ăn nhiều, tăng trọng nhanh
		Amylase (min)	2.796 UI/kg	
		Cellulase (min)	2.278 UI/kg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
60	NPV - BIOZYME Plus	Vitamin A (min)	650.000UI/kg	Cung cấp các vitamin và các enzyme cần thiết cho sự tăng trưởng của tôm và cá, giúp tôm, cá ăn nhiều, dễ tiêu hóa thức ăn Giúp tôm, cá tăng trọng nhanh
		Vitamin D_3 (min)	130.000UI/kg	
		Vitamin E (min)	1.500mg/kg	
		Vitamin K_3 (min)	800mg/kg	
		Protease (min)	2.600UI/kg	
		Amylase (min)	2.000UI/kg	
		Cellulase (min)	2.000UI/kg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
61	NPV - BIOTECH For Fish	Protease (min)	1.350 UI/kg	Bổ sung các enzyme cho đường ruột, giúp kích thích tiêu hóa thức ăn, làm cho ăn nhiều, tăng trọng nhanh
		Amylase (min)	1.680 UI/kg	
		Cellulase (min)	1.260 UI/kg	
		Dextrose vừa đủ	1 kg	
62	SUPER - MIX 700	Vitamin A (min)	1.052.551IU	Cung cấp các vitamin, khoáng chất và acid amine cần thiết nuôi thủy sản. Giúp cân bằng nhu cầu dinh dưỡng cần thiết hàng ngày cho sinh trưởng và phát triển
		Vitamin D_3 (min)	154.597IU	
		Vitamin E (min)	1.232,4mg	
		Vitamin B_1 (min)	154,9mg	
		Vitamin B_2 (min)	149,2mg	
		Vitamin B_6 (min)	94,9mg	
		Vitamin B_{12} (min)	106mcg	
		Lysine (min)	1.180mg	
		Methionine (min)	956mg	
		Fe ($FeSO_4$) (min)	0,19%	
		Zn ($ZnSO_4$) (min)	0,14%	
		Cu ($CuSO_4$) (min)	1,08%	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
63	NPV - BACTERVIT For Fish	Protease (min)	1.350UI	Cung cấp các vitamin, enzyme tiêu hóa cho cá, giúp cá tiêu hóa thức ăn tốt hơn
		Amylase (min)	1.680UI	
		Cellulase (min)	1.260UI	
		Vitamin A (min)	309.500UI	
		Vitamin D_3 (min)	81.490UI	
		Vitamin E (min)	1.230mg	
		Vitamin C (min)	1.260mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
64	NPV - Vitamin C10% For Fish	Vitamin C (min)	10%	Cung cấp vitamin C cho cá, giúp cá giảm stress khi điều kiện ngoại cảnh thay đổi
		Destrose vừa đủ	1kg	
65	NPV - Vitamin C10% For SHRIMP	Vitamin C (min)	10%	Cung cấp vitamin C cho tôm, giúp tôm giảm stress khi điều kiện ngoại cảnh thay đổi
		Dextrose vừa đủ	1kg	
66	NPV - Vitamin C10% -TẠT - For Fish	Vitamin C (min)	10%	Cung cấp vitamin C cho cá, giúp cá giảm stress khi điều kiện ngoại cảnh thay đổi
		Dextrose vừa đủ	1kg	
67	NPV - Vitamin C10% -TẠT - For SHRIMP	Vitamin C (min)	10%	Cung cấp vitamin C cho tôm, giúp tôm giảm stress khi điều kiện ngoại cảnh thay đổi
		Dextrose vừa đủ	1kg	
68	SUPER - ADE+B Complex - C Plus For Fish	Vitamin A (min)	300.000IU	Cung cấp các vitamin, cho cá. Giúp cá cân bằng nhu cầu dinh dưỡng cần thiết hàng ngày cho sinh trưởng và phát triển
		Vitamin D_3 (min)	150.000IU	
		Vitamin E (min)	1.153mg	
		Vitamin B_1 (min)	500mg	
		Vitamin B_2 (min)	467mg	
		Vitamin B_6 (min)	400mg	
		Vitamin C (min)	2.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
69	NPV - SUPER VITALEC For Fish	Vitamin A (min)	332.067IU	Cung cấp các vitamin, khoáng chất cho cá. Giúp cá cân bằng nhu cầu dinh dưỡng cần thiết hàng ngày cho sinh trưởng và phát triển
		Vitamin D_3 (min)	400.000IU	
		Vitamin E (min)	1.000mg	
		Vitamin B_1 (min)	578mg	
		Vitamin B_2 (min)	367mg	
		Vitamin B_6 (min)	397mg	
		Vitamin C (min)	2.000mg	
		Vitamin B_{12} (min)	938mcg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		Vitamin K_3 (min)	50,8mg	
		Vitamin PP (min)	500mg	
		Na (NaCl) (min)	0,70%	
		K (KCl) (min)	0,94%	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
70	SUPER - VITAMIX E	Vitamin E (min)	45.000mg	Bổ sung vitamin E và B_{12} cho cá, giúp khỏe mạnh, phát triển tốt
		Vitamin B_{12} (min)	230mcg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
71	SUPER - CALCI AD_3E	Vitamin A (min)	1.027.000IU	Bổ sung vitamin và khoáng chất cần thiết cho nhu cầu phát triển của cá
		Vitamin D_3 (min)	628.000IU	
		Vitamin E (min)	1.000mg	
		Phosho (P) (Dicalcium phosphate)	0,82%	
		Canxi (Ca) (Dicalcium phosphate) (min)	21,40%	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
72	NPV - Super-De-Amin	Vitamin A (min)	1.100.000UI	Bổ sung vitamin và acid amin cần thiết cho nhu cầu phát triển của cá
		Vitamin C (min)	2.000mg	
		Sorbitol (min)	2.500mg	
		Methionine (min)	2.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
73	NPV - Mineral For Shrimp	Cu^{++} (min)	0,36%	Cung cấp các khoáng chất cần thiết, bổ sung vào nhu cầu khoáng hàng ngày cho tôm
		Fe ($FeSO_4$) (min)	1,91%	
		Zn ($ZnSO_4$) (min)	0,60%	
		Mg ($MgSO_4$) (min)	4,76%	
		P (Dicalcium phosphate) (min)	1,54%	
		Ca (Dicalcium phosphate) (min)	10,30%	
		Dextrose vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
74	NPV - Vitacalcium	Vitamin A (min)	1.100.000UI	Cung cấp các vitamin và khoáng chất cần thiết cho nuôi thủy sản
		Vitamin D_3 (min)	200.000UI	
		Vitamin E (min)	1.000mg	
		Vitamin H (min)	19,94mg	
		P (Dicalcium phosphate) (min)	1,54%	
		Ca (Dicalcium phosphate) (min)	10,30%	
		Zn ($ZnSO_4$) (min)	0,18%	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
75	NPV - SUPER MILK LAC For Fish	Protein (min)	30%	Bổ sung các vitamin, axit amin cần thiết cho cá đặc biệt là cá bột, cá hương và cá giống Kích thích tăng trưởng, giúp cá mau lớn
		Chất béo (min)	1%	
		Lysine (min)	1,8%	
		Methionine (min)	1,2%	
		Threonine (min)	0,2%	
		Vitamin A (min)	20.000IU/kg	
		Vitamin D_3 (min)	7.000IU/kg	
		Vitamin E (min)	115mg/kg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
76	NPV-BIOSUBYL	*Bacillus subtilis* (min)	$1,2x10^8$cfu/kg	Cung cấp các vi khuẩn có ích cho đường ruột, kích thích tiêu hóa và hấp thụ thức ăn
		Lactobacillus acidophilus (min)	$1,2x10^8$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$1,2x10^8$cfu/kg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
Công ty Cổ phần Thái Việt Địa chỉ: 143 ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An Điện thoại: 072.3890.441				
77	AM	Vitamin C (min)	7.000mg	Bổ sung Vitamin C giúp tôm tăng cường sức đề kháng, giảm stress Kích thích tôm ăn nhiều, tiêu hóa tốt, tăng trưởng nhanh
		Vitamin B_1 (min)	2.500mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
78	B52	Glycine (min)	5.000mg/kg	Cung cấp Vitamin và axit amin cần thiết giúp tôm phát triển tốt Tăng khả năng hấp thụ thức ăn giúp tôm tăng trưởng nhanh Kích thích tôm bắt mồi, hạn chế hao hụt thức ăn
		Vitamin B_1 (min)	2.000mg/kg	
		Chất đệm (tinh bột) vừa đủ	1kg	
79	B68	Methionine (min)	15.000mg/lít	Bổ sung dưỡng chất, gúp tôm tăng trưởng Tăng cường hoạt động tổ chức gan
		Sorbitol (min)	15.000mg/lít	
		Lysine (min)	12.500mg/lít	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
80	BACILAC	*Bacillus subtilis* (min)	10^9cfu/kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi giúp tôm tăng khả năng hấp thụ và tiêu hóa thức ăn, hạn chế sự hao hụt thức ăn và tránh ô nhiễm môi trường
		Chất đệm (lactose) vừa đủ	1kg	
81	MIDU	Vitamin A (min)	10.000IU/kg	Giảm stress cho tôm. Giúp tôm tăng sức đề kháng Hỗ trợ gan hoạt động
		Vitamin D_3 (min)	2.000IU/kg	
		Methionine (min)	1.000mg/kg	
		Chất đệm (lactose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Xuyên Việt ĐC: T34, Cư xá Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ĐT: 0862750256 Fax: 0862674614				
82	DEOGOLD	Vitamin A (min)	200.000UI/kg	Cung cấp một số vitamin, Acid amin giúp tôm, cá khỏe mạnh, phát triển tốt
		Vitamin D_3 (min)	100.000UI/kg	
		Vitamin E (min)	30.000UI/kg	
		Vitamin K_3 (min)	500mg/kg	
		Methionine (min)	5.000mg/kg	
		Chất đệm (tinh bột Alpha) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
83	C-COMPLEX	Vitamin C (min)	200g/kg	Bổ sung vitamin C vào khẩu phần ăn, giúp cá, tôm khỏe mạnh, chống sốc khi môi trường thay đổi đột ngột
		Chất đệm (đường dextrose) vừa đủ	1kg	
84	ZYMEMOSS	Amylase (min)	300.000UI/kg	Cung cấp một số enzyme có lợi, giúp tăng khả năng tiêu hóa, giúp tôm, cá sinh trưởng phát triển tốt
		Protease (min)	1.000UI/kg	
		Cellulase (min)	20.000UI/kg	
		Lipase(min)	500UI/kg	
		Chất đệm (tinh bột Alpha) vừa đủ	1kg	
85	BODY GUARD	Vitamin A (min)	400.000UI/lít	Bổ sung vitamin, sorbitol và một số acid amin có tác dụng mát gan, thanh nhiệt, giúp tôm, cá sinh trưởng phát triển tốt
		Vitamin E (min)	300mg/lít	
		Sorbitol (min)	2.500mg/lít	
		Methionine (min)	150mg/lít	
		Vitamin D_3 (min)	150.000UI/lít	
		Vitamin B_{12} (min)	0,5mg/lít	
		Lysine (min)	50mg/lít	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
86	AQUAGAP	Vitamin A (min)	500.000UI/lít	Bổ sung vitamin, sorbitol và một số acid amin có tác dụng mát gan, thanh nhiệt, giúp tôm, cá sinh trưởng phát triển tốt
		Vitamin E (min)	500mg/lít	
		Sorbitol (min)	3.000mg/lít	
		Methionine (min)	200mg/lít	
		Vitamin D_3 (min)	100.000UI/lít	
		Vitamin B_{12} (min)	1mg/lít	
		Lysine (min)	80mg/lít	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
87	KISANOX	*Lactobacillus acidophilus* (min)	$2x10^7$cfu/kg	Cung cấp một số enzyme và vi khuẩn có lợi, giúp tăng khả năng tiêu hóa của tôm, cá
		Bacillus subtilis (min)	$2x10^7$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$3x10^7$cfu/kg	
		Amylase (min)	300.000UI/kg	
		Cellulase (min)	20.000UI/kg	
		Protease (min)	1.000UI/kg	
		Chất đệm (đường dextrose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH Sitto Việt Nam Địa chỉ: Số 4 Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: 08.22108368/0613.834904-06 Fax: 0613.834905				
88	MINERAL MIX YUCC	Glycine (min)	26.500mg	Bổ sung vitamin và acid amin vào thức ăn, giúp tôm, cá khỏe mạnh, phát triển tốt
		Methionine (min)	6.500mg	
		Inositol (min)	23.500mg	
		Vitamin B_6 (min)	1.900mg	
		Biotin (min)	28mg	
		Tryptophan (min)	11.500mg	
		Lysine (min)	85.000mg	
		Vitamin B_1 (min)	950mg	
		Folic acid (min)	95mg	
		Sorbitol (min)	47.500mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1kg	
89	YUMMY	Protein (bột cá) (min)	35%	Bổ sung protein và các vitamin cho tôm, cá. Tạo mùi vị hấp dẫn, kích thích tôm bắt mồi. Bao bọc thức ăn, giảm tỷ lệ hao hụt thức ăn
		Vitamin A (min)	300ppm	
		Chất mang (carbohydrates) vừa đủ	100%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
90	Sitto SC	*Saccharomyces cerevisiae* (min)	$1,2 \times 10^8$ cfu/g	Bổ sung vi sinh vật hữu ích cho tôm. Giúp tôm tiêu hóa tốt thức ăn
		Dextrose vừa đủ	1g	
91	Sitto LB-2	*Lactobacillus platarum* (min)	$1,3 \times 10^8$ cfu/g	Bổ sung vi sinh vật hữu ích cho tôm, cá. Giúp tôm, cá tiêu hóa tốt thức ăn
		Dextrose vừa đủ	1g	
92	Sitto LB-1	*Lactobacillus lactis* (min)	$1,4 \times 10^8$ cfu/g	Bổ sung vi sinh vật hữu ích cho tôm,cá. Giúp tôm, cá tiêu hóa tốt thức ăn
		Dextrose vừa đủ	1g	
93	Sitto BS-1	*Bacillus subtilis* (min)	5×10^9cfu/g	Bổ sung vi sinh vật hữu ích cho tôm, cá. Giúp tôm, cá tiêu hóa tốt thức ăn
		Dextrose vừa đủ	100g	
94	Sitto BS-2	*Bacillus licheniformis* (min)	1×10^9 cfu/g	Bổ sung vi sinh vật hữu ích cho tôm, cá. Giúp tôm, cá tiêu hóa tốt thức ăn
		Dextrose vừa đủ	100g	
95	Anti-Cramp	KCl (min-max)	48-51%	Bổ sung khoáng K, Cl, acid Humic vào thức ăn giúp tôm, cá khỏe mạnh, phát triển tốt
		Humic acid (min)	4,5%	
		Chất mang (muối sodium bicarbonate) vừa đủ	100%	
96	ALK-Balance	$CaSO_4.2H_2O$ (min-max)	92-97%	Bổ sung Ca vào thức ăn giúp tôm cứng vỏ, phát triển tốt
		Chất mang (nước) vừa đủ	100%	
97	Mag-Plus	$CaSO_4$ (min-max)	6-8%	Bổ sung khoáng Mg, Ca vào thức ăn, acid humic giúp tôm phát triển tốt hơn
		$MgSO_4$ (min-max)	31-41%	
		Humic acid (min)	4,5%	
		Chất mang (nước) vừa đủ	100%	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
98	Sea-Miner	$MgCl_2$ (min-max)	34-38%	Bổ sung khoáng chất cần thiết vào thức ăn giúp tôm phát triển tốt hơn
		$CaCl_2$ (min-max)	6-8%	
		KCl (min-max)	5-7%	
		$NaHCO_2$ (min-max)	5-6%	
		Chất mang (nước) vừa đủ	100%	
99	Poly Cal	$FeSO_4$ (min-max)	1.500-2.600 mg/kg	Bổ sung khoáng chất cần thiết vào thức ăn giúp tôm phát triển tốt
		$ZnSO_4$ (min-max)	1.300-2.000 mg/kg	
		$CoSO_4$ (min-max)	20-50mg/kg	
		$MgSO_4$ (min-max)	4.300-4.500 mg/kg	
		$MnSO_4$ (min-max)	1.500-2.200 mg/kg	
		$CuSO_4$ (min-max)	230-330 mg/kg	
		NaCl (min-max)	7.500-9.800 mg/kg	
		Humic acid (min)	40.000mg/kg	
		Chất mang (nước) vừa đủ	1kg	
100	DK-Phos 999	$CaHPO_4.2H_2O$ (min-max)	7-8%	Bổ sung khoáng chất cần thiết vào thức ăn giúp tôm phát triển tốt
		$Ca_3 (PO_4)_2$ (min-max)	55-58%	
		K_2O (min-max)	1-2%	
		Acid Humic (min)	8%	
		Chất mang (nước) vừa đủ	100%	
101	Sitto Mix	Vitamin A (min)	1.277mg/kg	Bổ sung vitamin và khoáng chất giúp tôm, cá tăng cường sức đề kháng và phát triển tốt
		Vitamin E (min)	3.384mg/kg	
		Vitamin B_1 (min)	1.025mg/kg	
		Vitamin B_6 (min)	1.025mg/kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		Biotin (min)	153mg/kg	
		Inositol (min)	2.051mg/kg	
		$ZnSO_4$ (min-max)	5.313-11.800 mg/kg	
		$FeSO_4$ (min-max)	2.946-4.000 mg/kg	
		Vitamin D_3 (min)	4,5mg/kg	
		Vitamin K_3 (min)	512mg/kg	
		Vitamin B_2 (min)	2.564mg/kg	
		Vitamin B_{12} (min)	153mg/kg	
		Folic acid (min)	102mg/kg	
		$MnSO_4$ (min-max)	684-900 mg/kg	
		$CoSO_4$ (min-max)	11,5-32 mg/kg	
		Glycine (min)	19.690mg/kg	
		Chất mang (carbohydrates) vừa đủ	1kg	
102	Monacolin-K	Glycine (min)	4.200mg/kg	Bổ sung vitamin và các acid amin vào khẩu phần ăn, giúp tôm hấp thu tốt các chất dinh dưỡng, giúp tôm khỏe mạnh, phát triển tốt
		Methionine (min)	2.350mg/kg	
		Vitamin A (min)	206mg/kg	
		Vitamin E (min)	665mg/kg	
		Tryptophan (min)	2.350mg/kg	
		Lysine (min)	3.715mg/kg	
		Vitamin D_3 (min)	0,48mg/kg	
		Vitamin K_3 (min)	1.490mg/kg	
		Chất mang (carbohydrates) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
103	Speed Growth L	Fulvic acid (min)	5.700mg	Bổ sung vitamin và các acid amin vào thức ăn, giúp tăng cường khả năng tiêu hóa, hấp thu dinh dưỡng, giúp tôm phát triển tốt
		Methionine (min)	1.880mg	
		Vitamin B_1 (min)	232mg	
		Inositol (min)	465mg	
		Glycine (min)	8.400mg	
		Lysine (min)	7.520mg	
		Vitamin B_6 (min)	232mg	
		Chất mang (nước) vừa đủ	100g	
104	Speed Growth P	Fulvic acid (min)	6.200mg	Bổ sung vitamin và các acid amin vào thức ăn, giúp tăng cường khả năng tiêu hóa, hấp thu dinh dưỡng, giúp tôm phát triển tốt
		Methionine (min)	2.300mg	
		Vitamin B_1 (min)	500mg	
		Inositol (min)	650mg	
		Glycine (min)	8.500mg	
		Lysine (min)	8.000mg	
		Vitamin B_6 (min)	350mg	
		Chất mang (carbohydrat) vừa đủ	100g	
105	Sitto Multi-Mix	Vitamin A (min)	1.300mg/kg	Bổ sung vitamin và khoáng chất giúp tôm, cá tăng cường sức đề kháng và phát triển tốt
		Vitamin E (min)	4.000mg/kg	
		Vitamin B_1 (min)	1.400mg/kg	
		Vitamin B_6 (min)	1.000mg/kg	
		Biotin (min)	350mg/kg	
		Inositol (min)	6.000mg/kg	
		$ZnSO_4$ (min-max)	5.000-7.200 mg/kg	
		$FeSO_4$ (min-max)	3.000-4.000 mg/kg	
		Vitamin D_3 (min)	20mg/kg	
		Vitamin K_3 (min)	600mg/kg	
		Vitamin B_2 (min)	2.600mg/kg	
		Vitamin B_{12} (min)	250mg/kg	
		Folic acid (min)	120mg/kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		$MnSO_4$ (min-max)	650-920 mg/kg	
		$CoSO_4$ (min-max)	11,5-13,2 mg/kg	
		Glycine (min)	19.690mg/kg	
		Chất mang (carbohydrates) vừa đủ	1kg	
106	Forte	$ZnSO_4$ (min-max)	2,8-3,5%	Bổ gan tụy, bổ sung acid amin và khoáng chất giúp tôm, cá khỏe mạnh
		$MnSO_4$ (min-max)	4,0-5,0%	
		Hàm lượng Fe tổng số (min-max)	3,8-4,5%	
		Hàm lượng Se tổng số (min-max)	0,05-0,06%	
		Methionine (min)	13%	
		Chất mang (phụ gia tạo màu và mùi) vừa đủ	100%	
107	L-DCP	Dicalcium Phosphate (min-max)	11.265-12.000 mg/kg	Cung cấp khoáng chất giúp tôm chắc vỏ, phát triển tốt
		Magnesium Chloride (min-max)	755-1.300 mg/kg	
		Monopotassium Phosphate (min-max)	450-530 mg/kg	
		Calcium Chloride (min-max)	1.700-2.100 mg/kg	
		Sodium Chloride (min-max)	2.090-2.500 mg/kg	
		Fulvic acid (min)	3.500mg/kg	
		Chất mang (nước) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
Công ty Cổ phần thủy sản Bình Minh ĐC: Số 86/28/1 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08 3754 2464; Fax: 08 3754 2466				
108	Bogan	Sorbitol (min)	350g	Bổ sung các chất dinh dưỡng thiết yếu vào khẩu phần thức ăn cho tôm, thúc đẩy tôm tăng trưởng nhanh
		Vitamin D_3 (min)	1.000IU	
		Methionine (min)	25g	
		Vitamin E (min)	240mg	
		Betain (min)	40g	
		Choline chloride (min)	100mg	
		Lysine (min)	200mg	
		Chất đệm (dextrose mono hydrate) vừa đủ	1kg	
109	Best Shell	Dicalcium phosphate ($CaHPO_4$) (min - max)	135.000 - 165.000mg	Bổ sung các vitamin và khoáng chất cần thiết giúp tôm cá phát triển, thúc đẩy tôm tăng trưởng nhanh
		Zinc sulphate ($ZnSO_4$) (min - max)	9.900 - 12.100mg	
		Iron sulphate ($FeSO_4$) (min - max)	1.800- 22.000mg	
		Manganse sulphate ($MnSO_4$) (min - max)	1.800- 2.200mg	
		Cobalt sulphate ($CoSO_4$) (min - max)	108 - 132mg	
		Copper sulphate ($CuSO_4$) (min - max)	900-1.100mg	
		Sodium selenite (Na_2SeO_3) (min - max)	900-1.100mg	
		Vitamin E (min)	3.000mg	
		Vitamin D_3 (min)	195.000mg	
		Choline chloride (min)	5.000mg	
		Chất đệm (dextrose mono hydrate) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
110	Prodigest	*Lactobacillus acidophilus* (min)	$0,5x10^9$cfu/kg	Bổ sung các vi sinh vật đường ruột có lợi và men tiêu hóa vào thức ăn tôm, cá; tăng khả năng tiêu hóa và hấp thụ thức ăn và chất dinh dưỡng
		Lactobacillus lactis (min)	$0,5x10^9$cfu/kg	
		Protease (min)	900.000IU	
		Amylase (min)	600.000IU	
		Beta glucannase (min)	300.000IU	
		Xylanase (min)	300.000IU	
		Cellulase (min)	150.000IU	
		Chất đệm (dextrose mono hydrate) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH SX TM DV Hoàng Hạc Địa chỉ: 20/11 D, Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 38249002				
111	H 678	Sorbitol (min)	26.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin A (min)	300mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
112	A ZOO	Sorbitol (min)	3.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Lysine (min)	500mg	
		Vitamin B_2 (min)	500mg	
		Bacillus subtilis (min)	$2,0x10^7$cfu/kg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
113	ATM	*Bacillus subtilis* (min)	$1,8x10^7$cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm, cá hấp thu hoàn toàn thức ăn, ổn định đường ruột, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Saccharomyces ceresiviae (min)	$1,6x10^7$cfu/kg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
114	S 600	Sorbitol (min)	50.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin A (min)	400mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
115	Liver Shrimp	Sorbitol (min)	25.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin D_3 (min)	350UI	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
116	Bio Pro	Sorbitol (min)	3.000mg	Bổ sung sorbitol, vitamin vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
		Vitamin B_1 (min)	1.500mg	
		Vitamin D_3 (min)	150UI	
		Bột (talc) vừa đủ	1kg	
117	Cide UP	Calcium (min)	5.000mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn giúp tôm cứng vỏ, phát triển tốt
		Calcium lactate (min)	5.000mg	
		Calcium pantothenata (min)	5.000mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
118	Egg gold	Calcium (min)	1.500mg	Bổ sung khoáng chất, protein và acid amin vào thức ăn giúp tôm phát triển tốt
		Protein (min)	5%	
		Lysine (min)	2.000mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
119	Becozyme	*Bacillus subtilis* (min)	$2,1x10^7$cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm, cá hấp thu tốt thức ăn, ổ định đường ruột, giúp tôm, cá phát triển tốt
		Dextrose vừa đủ	1kg	
120	Calvita	Calcium (min)	7.000mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn, giúp tôm cứng vỏ, phát triển tốt
		Calcium lactate (min)	5.000mg	
		Đường (glucose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH Biển Hồ Địa chỉ: 56A, Tân Lập 2, KP 3, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 3987 4505				
121	Audi Q3	Betaglucan 1,3 - 1,6 (min)	70g	Bổ sung các vitamin, betaglucan vào thức ăn giúp tôm, cá phát triển tốt
		Vitamin C (min)	4g	
		Vitamin E (min)	1g	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
		Vitamin D (min)	500g	
		Vitamin B_5 (min)	2g	
		Bột (dextrose) vừa đủ	1kg	
122	Audi Q5	Protein (min)	15%	Là thức ăn bổ sung các loại vitamin, acid amin và protein vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá phát triển tốt
		Vitamin E (min)	500mg	
		Vitamin B_1 (min)	600mg	
		Vitamin B_5 (min)	2g	
		Vitamin A (min)	1g	
		Lysine (min)	2g	
		Methionine (min)	1g	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
123	BMW X6	1-(butylamino)-1-methylethyl) phosphoric acid	30g	Là thức ăn bổ sung các loại vitamin và acid amin vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá phát triển tốt, hỗ trợ chức năng gan cho cá, tôm
		Vitamin C (min)	1g	
		Vitamin B_1 (min)	800mg	
		Vitamin B_5 (min)	2g	
		Vitamin B_6 (min)	500mg	
		Vitamin B_{12} (Cyanocobalamin) (min)	400mg	
		Lysine (min)	2g	
		Methionin (min)	1g	
		Inositol (min)	2g	
		Sorbitol (min)	4g	
		Polysorbate vừa đủ	1lít	
124	Audi A6	Ca (min)	5g	Bổ sung khoáng chất, vitamin vào thức ăn giúp tôm cứng vỏ, cá tôm phát triển tốt
		Zn (min)	500mg	
		Mn (min)	200mg	
		Vitamin C (min)	2g	
		P (min)	1g	
		Bột (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
125	Audi Q7	Proteine (min)	20%	Là thức ăn bổ sung các loại vitamin, acid amin và protein vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá phát triển tốt
		Vitamin E (min)	500mg	
		Vitamin B_1 (min)	600mg	
		Vitamin B_5 (min)	1g	
		Vitamin B_6 (min)	300g	
		Vitamin D (min)	400mg	
		Lysine (min)	2g	
		Methionin (min)	1g	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
126	Butamino	(1-(butylamino)-1 methylethyl) phosphoric acid	30g	Là thức ăn bổ sung các loại vitamin và acid amin vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm, cá phát triển tốt
		Vitamin E (min)	1g	
		Vitamin B_1 (min)	2g	
		Vitamin B_5 (min)	5g	
		Vitamin B_6 (min)	1,6g	
		Vitamin B_{12} (Cyanocobalamin) (min)	400mg	
		Lysine(min)	2g	
		Methionin (min)	1g	
		Polysorbate vừa đủ	1lít	
127	Lacto plus	*Bacillus subtilis* (min)	$6,8x10^8$cfu/kg	Thức ăn bổ sung cung cấp các loại vi sinh vật có lợi vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn, phát triển tốt
		Lactobacillus acidophillus (min)	$7,6x10^8$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$9x10^8$cfu/kg	
		Protease (min)	4.000mg	
		Amylase (min)	5.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
128	Biozyme plus	*Bacillus subtilis* (min)	$6x10^9$cfu/kg	Thức ăn bổ sung cung cấp các loại vi sinh vật có lợi vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn, phát triển tốt
		Lactobacillus acidophillus (min)	$4x10^9$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$8x10^9$cfu/kg	
		Protease (min)	3.000mg	
		Amylase (min)	6.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
129	Super zyme	*Bacillus subtilis* (min)	$6,2x10^9$cfu/kg	Thức ăn bổ sung cung cấp các loại vi sinh vật có lợi vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn, phát triển tốt
		Lactobacillus acidophillus (min)	$4,6x10^9$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$5,6x10^9$cfu/kg	
		Protease (min)	4.000mg	
		Amylase (min)	5.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
130	Pro zyme	*Bacillus subtilis* (min)	$4,2x10^9$cfu/kg	Thức ăn bổ sung cung cấp các loại vi sinh vật có lợi vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn, phát triển tốt
		Lactobacillus acidophillus (min)	$3,8x10^9$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$6,6x10^9$cfu/kg	
		Protease (min)	4.000mg	
		Amylase (min)	3.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
131	Micro zyme	*Bacillus subtilis* (min)	$8x10^8$cfu/kg	Thức ăn bổ sung cung cấp các loại vi sinh vật có lợi vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn, phát triển tốt
		Lactobacillus acidophillus (min)	$3,6x10^8$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$8,6x10^8$cfu/kg	
		Protease (min)	3.000mg	
		Amylase (min)	5.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
132	Aqua zyme	*Bacillus subtilis* (min)	$3x10^{10}$cfu/kg	Thức ăn bổ sung cung cấp các loại vi sinh vật có lợi vào thức ăn cho tôm, cá giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn, phát triển tốt
		Lactobacillus acidophillus (min)	$8x10^9$cfu/kg	
		Saccharomyces cerevisiae (min)	$6x10^{10}$cfu/kg	
		Protease (min)	12.000mg	
		Amylase (min)	25.000mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
Công ty TNHH Aqua Pharma Địa chỉ: 134/14 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08 54289290 Địa chỉ sản xuất: số 14, tổ 26, ấp 4, đường Bàu Lách, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Tp HCM				
133	CLEAN	*Bacillus subtilis* (min)	$1,5 \times 10^7$ cfu/g	Cung cấp vi sinh vật có lợi vào thức ăn giúp hấp thu, tiêu hóa tốt thức ăn, giúp tôm, cá mau lớn, phát triển tốt
		Bacilus licheniformis (min)	$2,5 \times 10^7$ cfu/g	
		Bacillus mensentericus (min)	$1,7 \times 10^7$ cfu/g	
		Glucose vừa đủ	1kg	
134	CALCIVIT	Calcium (min)	130mg	Cung cấp Ca, P cho quá trình phát triển của tôm, cá. Giúp tôm, cá mau lớn
		Phosphorus (min)	150mg	
		Chất đệm (nước) vừa đủ	1lít	
135	FRESH	*Bacillus subtilis* (min)	$1,5x10^7$cfu/g	Cung cấp vi sinh vật có lợi vào thức ăn giúp hấp thu, tiêu hóa tốt thức ăn, giúp tôm, cá mau lớn, phát triển tốt
		Bacilus licheniformis (min)	$2,5x10^7$cfu/g	
		Bacillus mensentericus (min)	$1,7x10^7$cfu/g	
		Lactobacilus acidophilus (min)	$2x10^7$cfu/g	
		Glucose vừa đủ	1kg	
136	GROW UP	Protein thô (min)	25%	Cung cấp protein cho tôm, cá giúp tôm, cá khỏe mạnh, phát triển tốt
		Protein tiêu hóa (min)	20%	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
137	LIVERROL	Lysine (min)	400mg	Cung cấp sorbitol, vitamin và acid amin cho tôm, cá. Giúp tôm cá luôn khỏe mạnh, phát triển tốt
		Sorbitol (min)	4.500mg	
		Vitamin B_2 (min)	1.000mg	
		Dung môi (nước) vừa đủ	1lít	
138	PHARMA VIT C	Vitamin C (min)	70.000mg	Cung cấp vitamin C thiết yếu vào thức ăn giúp tôm, cá tăng cừng sức đê kháng, phát triển tốt, mau lớn
		Glucose vừa đủ	1 kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
139	SHRIM MAX	Lysine (min)	2.000mg	Cung cấp lysine, vitamin thiết yếu vào thức ăn giúp tôm, cá phát triển tốt, mau lớn
		Vitamin A (min)	500mg	
		Vitamin B_1 (min)	1.000mg	
		Vitamin B_2 (min)	800mg	
		Dung môi nước vừa đủ	1lít	
140	GLUCAN PHAR	1,3 - 1,6 Glucan (min)	10%	Bồi bổ gan, ổn định chức năng gan, giúp tôm khỏe mạnh, mau lớn
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
141	LACTO PLUS	*Bacillus subtilis* (min)	$2,1x10^7$cfu/g	Cung cấp vi sinh vật có lợi vào đường ruột cho tôm, cá. Giúp ổn định đường ruột, tiêu hóa tốt thức ăn
		Saccharomyces cerevisiea (min)	$2x10^7$cfu/g	
		Bột (dextrose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH SX TM DV 555 Địa chỉ: 62/12 Bùi Thị Xuân, Phường 5, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh Địa chỉ sản xuất: 20/17 Ấp 2, Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08.62619357				
142	Liverbest	Betaglucan 1,3-1,6 (min)	30%	Bổ sung vitamin giúp tôm, cá khỏe mạnh. Tăng cường chức năng gan
		Vitamin B_6 (min)	1%	
		Vitamin C (min)	30%	
143	C-MIX 30	Vitamin C (min)	30%	Bổ sung Vitamin C, Vitamin B_6 giúp tôm cá phát triển tốt, giảm stress khi vận chuyển
		Vitamin B_6 (min)	1%	
		Chất mang (dextrose) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH công nghệ sinh học Thiên Phong Địa chỉ: 509 Thanh Minh 2 - Diên lạc - Diên Khánh - Khánh Hòa Điện thoại: 058. 3811669 Fax: 058. 3768732				
144	GOLD STAR	Vitamin A (min)	500IU	Bổ sung vitamin và acid amin cần thiết giúp tôm cá ăn nhiều, mau lớn
		Vitamin B_1 (min)	2,5mg	
		Lysine (min)	4.500mg	
		Methionine (min)	3.500mg	
		Chất đệm (nước cất) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
145	Liverpool	Vitamin A (min)	120.000IU	Bổ sung các acid amin, vitamin và các chất dinh dưỡng thiết yếu cho tôm cá. Giúp cân bằng dinh dưỡng và bồi bổ gan cho tôm cá
		Lysine (min)	13.000mg	
		Methionine (min)	5.000mg	
		Nicotinic acid (min)	50 mg	
		Sorbitol (min)	0,3mg	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
146	AQUA STIM	Lysine (min)	1.000mg	Bổ sung các acid amin và các chất dinh dưỡng thiết yếu cho tôm cá, giúp tôm cá cân bằng dinh dưỡng, bồi bổ gan
		Methionine (min)	3.000mg	
		Sorbitol (min)	300mg	
		Folic acid (min)	47mg	
		Valine (min)	1.000mg	
		Chất đệm (nước cất) vừa đủ	1lít	
147	STRONG LIV	Zinc Sulphate (min)	13mg	Bổ sung nguồn Vitamin và các khoáng chất cần thiết giúp tôm cá tăng khả năng tiêu hóa, ổn định đường ruột, tôm cá khỏe mạnh và phát triển tốt
		Ferrous Sulphate (min)	6mg	
		Choline chloride (min)	25mg	
		Copper Sulphate (min)	5mg	
		Vitamin A (min)	1.100IU	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
148	SUPER GROW	Lysine (min)	8.000mg	Bổ sung các chất dinh dưỡng và acid amin cần thiết giúp tôm cá bắt mồi nhanh, ăn nhiều, mau lớn
		Methionine (min)	800mg	
		Leucine (min)	1.800mg	
		Isoleucine (min)	1.000mg	
		Glycine (min)	2.000mg	
		Alanine (min)	2.000mg	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
Công ty TNHH & DV tư vấn Vạn Tường Địa chỉ liên hệ: 5/2 Tô Hiến Thành, Nha Trang, Khánh Hòa Điện thoại: (058) 3516345 Fax: (058) 3516345				
149	VT-301	Vitamin B_2 (min)	2,25mg	Cung cấp các vitamin và các acid amin cần thiết cho tôm cá. Giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn
		Vitamin B_1 (min)	8,0mg	
		Vitamin B_6 (min)	1,25mg	
		Vitamin B_{12} (min)	12mcg	
		Niacin amide (min)	75mg	
		L-Lysine (min)	10mg	
		DL Methionine (min)	10mg	
		Choline Chloride	10mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
150	VIOMOS	*Bacillus subtilis* (min)	$2x10^7$cfu/kg	Cung cấp các vi khuẩn có lợi và các enzyme cần thiết cho tôm cá. Giúp tôm cá hấp thụ tốt thức ăn. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn
		Saccharomyces cerevisiea (min)	$2x10^8$cfu/kg	
		Protease (min)	$2x10^7$UI/kg	
		Amylase (min)	$2x10^7$UI/kg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
151	Hi-cell	$CaHPO_4$ (min)	4.500 - 5.500mg	Bổ sung khoáng chất vào thức ăn, giúp tôm cá phát triển tốt
		$MgSO_4$ (min)	1.350 - 1.650mg	
		$MnSO_4$ (min)	900 - 1.100mg	
		$ZnSO_4$ (min)	450 - 550mg	
		Dextrose vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH Tiệp Phát Địa chỉ: 143 ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An Điện thoại: 072.3890.441; Fax: 072.3643.442				
152	BEST C	Vitamin C (min)	130g	Bổ sung Vitamin C cho Tôm, Cá, giúp tăng cường sức đề kháng, chống stress
		Chất đệm (tinh bột) vừa đủ	1kg	
153	GINDEE	*Bacillus subtilis* (min)	10^9cfu/kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi giúp Tôm, Cá hấp thu tốt thức ăn, hạn chế sự hao hụt thức ăn và tránh ô nhiễm môi trường
		Bacillus licheniformis (min)	10^8cfu/kg	
		Chất đệm (tinh bột) vừa đủ	1kg	
154	LIVERAX	Vitamin C (min)	210mg	Giúp tăng cường chức năng gan. Bổ sung Vitamin C giúp Tôm tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng chống chịu bệnh, giúp tôm tăng trưởng và phát triển nhanh
		Sorbitol (min)	150mg	
		Methionine (min)	140mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	
155	POLIS	Vitamin B_1 (min)	2.100mg	Bổ sung Vitamin cần thiết giúp tôm hấp thụ và tiêu hóa thức ăn tốt, tăng trưởng nhanh
		Vitamin B_6 (min)	1.400mg	
		Dung môi (nước cất) vừa đủ	1lít	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
156	Lactopro	*Bacillus subtilis* (min)	10^{10}cfu/kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi giúp tôm, cá hấp thu thức ăn tốt, phát triển nhanh
		Bacillus licheniformis (min)	10^{8}cfu/kg	
		Chất đệm (tinh bột) vừa đủ	1kg	
Công ty TNHH thương mại & sản xuất thuốc Thú Y ALBA Địa chỉ: Số 55 đường số 6, P. Bình Trị Đông B, Q. Tân Bình, Tp. HCM. Điện thoại: 0862.682.440 Fax: 0862.539.505				
157	ABV-VITAMIX	Vitamin A (min)	200.000IU	Bổ sung các vitamin, acid amin và khoáng chất vào khẩu phần ăn của tôm, cá
		Vitamin D (min)	100.000IU	
		Vitamin E (min)	2.000mg	
		Vitamin B_1 (min)	500mg	
		Vitamin B_2 (min)	300mg	
		Vitamin B_6 (min)	300mg	
		Biotin (Vitamin H) (min)	5mg	
		Choline (min)	3.000mg	
		Inositol (min)	2.500mg	
		Folic acid (min)	150mg	
		Calcium Pantothenate (min)	2.000mg	
		Co ($CoSO_4$)(min)	100mg	
		Ca ($Ca(H_2PO_4)_2$) (min)	30g	
		P (P_2O_5) (min)	18g	
		Fe ($FeSO_4$) (min)	15g	
		Zn (ZnO) (max)	10g	
		Cu ($CuSO_4$) (min)	10g	
		Mn ($MnSO_4$) (min)	2g	
		Se ($NaSo_3$) (min)	100mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Hàm lượng	Công dụng
158	ABV-HEPAMED	Vitamin B_1 (max)	2.500g	Bổ sung các vitamin, acid amin và sorbitol vào khẩu phần ăn của tôm, cá. Tăng cường giải độc gan, giúp tôm, cá ăn nhiều, mau lớn
		Vitamin B_2 (min)	100mg	
		Vitamin B_6 (min)	2.000mg	
		Sorbitol (min)	500ml	
		Methionine	3.000mg	
		Lysine	3.000mg	
		Nước cất vừa đủ	1lít	
159	ABV-Subtylic	*Bacillus subtilis* (min)	$2x10^9$cfu/g	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào khẩu phần ăn của tôm, cá
		Oligosaccharide vừa đủ	1kg	
160	Vitamin C	Vitamin C (L-Ascorbic Acid) (min)	100g	Bổ sung vitamin C vào khẩu phần ăn của tôm, cá. Chống stress, sốc khi môi trường thay đổi. Giúp tôm, cá phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	
161	ABV - Vitamulti	Vitamin A (min)	4.000.000UI	Bổ sung các vitamin vào khẩu phần ăn của tôm, cá. Giúp tôm, cá phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh
		Vitamin D_3 (min)	1.000.000UI	
		Vitamin E (min)	8.000UI	
		Vitamin C (min)	50.000mg	
		Vitamin B_1 (min)	4.000mg	
		Vitamin B_2 (min)	8.000mg	
		Vitamin B_6 (min)	2.000mg	
		Biotin (Vitamin H) (min)	60mg	
		Vitamin B_{12} (min)	20mg	
		Inositol (min)	5.000mg	
		Folic acid (min)	2.000mg	
		Calcium Pantothenate (min)	8.000mg	
		Chất đệm (dextrose) vừa đủ	1kg	

(Xem tiếp Công báo số 531 + 532)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng